

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1739/QĐ-ĐHTCM, ngày 08 tháng 7 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): Tài chính – Ngân hàng
- Tên chương trình (tiếng Anh): Finance - Banking
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng
- Hình thức đào tạo: Chính quy – Chất lượng cao

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực ứng dụng, phân tích, đánh giá chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Đáp ứng lực lượng lao động chất lượng cao cho nhu cầu của thị trường lao động trong xu thế hội nhập quốc tế.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

- + Về kiến thức
  - PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
  - PO2: Vận dụng được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng vào vận hành của tổ chức và công việc cá nhân.
  - PO3: Phân tích được các chính sách và những vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu, đề xuất các sáng kiến có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- + Về kỹ năng:
  - PO4: Có kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
  - PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ thuần thực phù hợp của ngành Tài chính – Ngân hàng để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn. Có khả năng cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.
- + Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:
  - PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng

như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.

- PO7: Có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Chủ động tự nghiên cứu, tự học tập và có đủ kiến thức để thực hiện các công việc đảm nhiệm tại các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp.

## 2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, các doanh nghiệp. Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học về lĩnh vực kinh tế tài chính - ngân hàng. Học tập nâng cao trình độ các bậc cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ Ngành Tài chính - Ngân hàng.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

### + Về kiến thức

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.
- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.
- PLO3: Vận dụng được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng vào vận hành của tổ chức và công việc cá nhân và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội.
- PLO4: Phân tích được chính sách và các vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và đề xuất các sáng kiến về những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

### + Về kỹ năng:

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phân biện các vấn đề trong công việc.
- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt mức 4/6, đáp ứng được yêu cầu làm việc của các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.
- PLO7: Có kỹ năng thực hiện thành thạo các phân tích ngành để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PLO8: Có kỹ năng quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng trong thực tiễn.

### + Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc

thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Chủ động tự nghiên cứu, tự học tập và có đủ kiến thức để thực hiện các công việc đảm nhiệm tại các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp.

#### **4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:**

Thời gian đào tạo: 4 năm. Thời gian học tập tối đa: 7 năm.

#### **5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:**

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 126 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

#### **6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

**6.1 Quy trình đào tạo:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 2214/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 25/10/2019 ban hành Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học chính quy.

**6.2 Địa điểm đào tạo:** Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

**6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):**

**6.4 Điều kiện tốt nghiệp:**

- **Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM, Quyết định số 2214/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 25/10/2019 ban hành Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học chính quy.

- **Điều kiện về kỹ năng mềm:**

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo



- Điều kiện về ngoại ngữ:

| Năm<br>tuyển<br>sinh | KNLNN<br>6 bậc Việt<br>Nam | Khung<br>tham<br>chiếu<br>Châu Âu<br>CEFR | IELTS | TOFEL<br>(PBT/CBT<br>/iBT) | TOEIC              |                                    |
|----------------------|----------------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------|--------------------|------------------------------------|
|                      |                            |                                           |       |                            | 02 kỹ năng         | 04 kỹ năng                         |
| 2021                 | 4/6                        | B2                                        | 5.5   | 500/173/61                 | Nghe &<br>Đọc: 630 | Nghe & Đọc: 630<br>Nói & Viết: 260 |
| 2022,<br>2023        | 4/6                        | B2                                        | 5.5   | 500/173/61                 | Nghe &<br>Đọc: 650 | Nghe & Đọc: 650<br>Nói & Viết: 280 |
| 2024,<br>2025        | 4/6                        | B2                                        | 6.0   | 513/183/65                 | Nghe &<br>Đọc: 670 | Nghe & Đọc: 670<br>Nói & Viết: 300 |

- Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;
- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

## 6.5

### 7. TUYỂN SINH:

**7.1 Chỉ tiêu tuyển sinh:** Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

**7.2 Điều kiện tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### 8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 và Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài chính – Marketing và các nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 theo Quyết định số 717/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.



**9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:****9.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ**

| STT                                                                                                  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|                                                                                                      |             |                                |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |
| a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ                                                           |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 1                                                                                                    | 020477      | Triết học Mác – Lênin          | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 2                                                                                                    | 020478      | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 3                                                                                                    | 020479      | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 4                                                                                                    | 020480      | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| 5                                                                                                    | 020016      | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2          | 1                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 70           |         |
| b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ                                                                    |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 6                                                                                                    | 020264      | Pháp luật đại cương            | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| c. Ngoại ngữ: 18 tín chỉ                                                                             |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 7                                                                                                    | 020627      | Tiếng Anh 1                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 8                                                                                                    | 020628      | Tiếng Anh 2                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 9                                                                                                    | 020629      | Tiếng Anh 3                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 10                                                                                                   | 020630      | Tiếng Anh 4                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 11                                                                                                   | 020631      | Tiếng Anh 5                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| 12                                                                                                   | 020632      | Tiếng Anh 6                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |
| d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ                                                                         |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 13                                                                                                   | 020029      | Toán cao cấp                   | 4          | 3                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 140          |         |
| 14                                                                                                   | 020633      | Tin học ứng dụng               | 4          | 1                                    | 2                  | 0                                  | 1                  | 125          |         |
| e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo) |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)             |             |                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |

**9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ**

| STT                                  | Mã học phần | Tên học phần    | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú |
|--------------------------------------|-------------|-----------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|---------|
|                                      |             |                 |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |         |
| a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ |             |                 |            |                                      |                    |                                    |                    |              |         |
| 15                                   | 020035      | Kinh tế vi mô 1 | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |         |

| STT                                           | Mã học phần | Tên học phần                                  | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú                 |
|-----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|
|                                               |             |                                               |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |                         |
| 16                                            | 020036      | Kinh tế vĩ mô 1                               | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 17                                            | 020044      | Nguyên lý kế toán                             | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 18                                            | 020326      | Nguyên lý marketing                           | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 19                                            | 020038      | Quản trị học                                  | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 20                                            | 020368      | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 21                                            | 020481      | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng       | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| <b>b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ</b>         |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| <i>Học phần bắt buộc</i>                      |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 22                                            | 020634      | Nguyên lý thẩm định giá                       | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 23                                            | 020658      | Tài chính công                                | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          | T.Anh                   |
| 24                                            | 020635      | Thuế 1                                        | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 25                                            | 020636      | Thị trường chứng khoán                        | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | T.Anh                   |
| 26                                            | 020637      | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm               | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 27                                            | 020638      | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 | 2          | 1                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 55           |                         |
| 28                                            | 020639      | Tài chính doanh nghiệp 1                      | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | T.Anh                   |
| 29                                            | 020640      | Ngân hàng thương mại                          | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 30                                            | 020641      | Tài chính quốc tế                             | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | T.Anh                   |
| 31                                            | 020642      | Kinh tế lượng                                 | 3          | 1                                    | 0                  | 0                                  | 2                  | 75           |                         |
| <b>c. Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ</b>  |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| <b>❖ Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</b> |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| <i>Học phần bắt buộc</i>                      |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 32                                            | 020659      | Thực hành nghề nghiệp 1                       | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 33                                            | 020660      | Thực hành nghề nghiệp 2                       | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 34                                            | 020643      | Tài chính doanh nghiệp 2                      | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           | T.Anh                   |
| 35                                            | 020644      | Quản trị rủi ro tài chính                     | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 36                                            | 020645      | Phân tích Tài chính doanh nghiệp              | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           | T.Anh                   |
| <i>Học phần tự chọn</i>                       |             |                                               |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37a                                           | 020646      | Mô hình tài chính                             | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 2 học phần |
| 37b                                           | 020647      | Đầu tư tài chính                              |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38a                                           | 020648      | Thẩm định dự án đầu tư                        | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |

| STT                                       | Mã học phần | Tên học phần                                        | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú                 |
|-------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|
|                                           |             |                                                     |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |                         |
| 38b                                       | 020649      | Hoạch định ngân sách vốn đầu tư                     | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 2 học phần |
| 39a                                       | 020661      | Hợp nhất và sáp nhập                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              | Chọn 1 trong 2 học phần |
| 39b                                       | 020662      | Chiến lược tài chính công ty                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| ❖ Chuyên ngành: Ngân hàng                 |             |                                                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| Học phần bắt buộc                         |             |                                                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 32                                        | 020663      | Thực hành nghề nghiệp 1                             | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 33                                        | 020664      | Thực hành nghề nghiệp 2                             | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 34                                        | 020650      | Thẩm định tín dụng                                  | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           | T.Anh                   |
| 35                                        | 020665      | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng                    | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           | T.Anh                   |
| 36                                        | 020651      | Quản trị ngân hàng                                  | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| Học phần tự chọn                          |             |                                                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37a                                       | 020666      | Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel            | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 3 học phần |
| 37b                                       | 020652      | Xếp hạng tín dụng                                   |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 37c                                       | 020653      | Ngân hàng đầu tư                                    |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38a                                       | 020667      | Ngân hàng trung ương                                | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 3 học phần |
| 38b                                       | 020654      | Kinh doanh ngoại hối                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38c                                       | 020655      | Kế toán ngân hàng                                   |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 39a                                       | 020668      | Ngân hàng quốc tế                                   | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 3 học phần |
| 39b                                       | 020669      | Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 39c                                       | 020656      | Thị trường chứng khoán phái sinh                    |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| ❖ Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu |             |                                                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| Học phần bắt buộc                         |             |                                                     |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 32                                        | 020670      | Thực hành nghề nghiệp 1                             | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 33                                        | 020671      | Thực hành nghề nghiệp 2                             | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                  | 60           |                         |
| 34                                        | 020672      | Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu        | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           |                         |
| 35                                        | 020673      | Trị giá hải quan                                    | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | T.Anh                   |



| STT                                  | Mã học phần | Tên học phần                                           | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                    |              | Ghi chú                 |
|--------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|
|                                      |             |                                                        |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, PMP, DN | Tự học (giờ) |                         |
| 36                                   | 020849      | Chính sách thuế quan                                   | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           | T.Anh                   |
| 37                                   | 020850      | Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu       | 3          | 1                                    | 0                  | 2                                  | 0                  | 75           |                         |
| Học phần tự chọn                     |             |                                                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 38a                                  | 020675      | Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ                            | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 2 học phần |
| 38b                                  | 020676      | Quản trị xuất nhập khẩu                                |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 39a                                  | 020677      | Kiểm soát hải quan                                     | 3          | 2                                    | 0                  | 1                                  | 0                  | 90           | Chọn 1 trong 2 học phần |
| 39b                                  | 020678      | Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu             |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ |             |                                                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau  |             |                                                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 40a                                  | 020366      | Tài chính hành vi                                      | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40b                                  | 020508      | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng               | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40c                                  | 020679      | Quản trị rủi ro các định chế tài chính                 | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40d                                  | 020680      | Nhập môn chính sách công                               | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40e                                  | 020681      | Thẩm định giá bất động sản 2                           | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40f                                  | 020682      | Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 40g                                  | 020296      | Kế toán tài chính 1                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau  |             |                                                        |            |                                      |                    |                                    |                    |              |                         |
| 41a                                  | 020683      | Công nghệ tài chính                                    | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41b                                  | 020684      | Ngân hàng số                                           | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41c                                  | 020685      | Quản trị tài chính cá nhân                             | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41d                                  | 020686      | Nhập môn an sinh xã hội                                | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41e                                  | 020554      | Kỹ thuật bất động sản                                  | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41f                                  | 020601      | Kiểm tra sau thông quan                                | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |
| 41g                                  | 020297      | Kế toán thuế                                           | 3          | 2                                    | 1                  | 0                                  | 0                  | 105          |                         |

### 9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

| STT                                             | Mã học phần | Tên học phần                                                       | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức<br>(số tín chỉ) |                    |                                    |                   |              | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------------|-------------------|--------------|---------|
|                                                 |             |                                                                    |            | LT                                   | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | TH tại PM, MP, DN | Tự học (giờ) |         |
| Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng |             |                                                                    |            |                                      |                    |                                    |                   |              |         |
| 42a                                             | 020689      | Khóa luận tốt nghiệp                                               | 6          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 6                 | 120          |         |
| Hoặc                                            |             |                                                                    |            |                                      |                    |                                    |                   |              |         |
| 42b1                                            | 020690      | Thực tập cuối khóa                                                 | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                 | 60           |         |
| 42b2                                            | 020687      | Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                 | 60           |         |
| Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu         |             |                                                                    |            |                                      |                    |                                    |                   |              |         |
| 42a                                             | 020691      | Khóa luận tốt nghiệp                                               | 6          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 6                 | 120          |         |
| Hoặc                                            |             |                                                                    |            |                                      |                    |                                    |                   |              |         |
| 42b1                                            | 020692      | Thực tập cuối khóa                                                 | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                 | 60           |         |
| 42b2                                            | 020688      | Thực hành khai báo hải quan                                        | 3          | 0                                    | 0                  | 0                                  | 3                 | 60           |         |

**Trong đó:**

**Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng:**

- Các học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh: Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp 6 học phần (Thị trường chứng khoán; Tài chính doanh nghiệp 1; Tài chính công; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp 2; Phân tích Tài chính doanh nghiệp); Chuyên ngành Ngân hàng 6 học phần (Thị trường chứng khoán; Tài chính doanh nghiệp 1; Tài chính công; Tài chính quốc tế; Thẩm định tín dụng; Thanh toán quốc tế qua ngân hàng). Chuyên ngành Hải quan - Xuất nhập khẩu 6 học phần (Thị trường chứng khoán; Tài chính doanh nghiệp 1; Tài chính công; Tài chính quốc tế; Trị giá hải quan; Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu).

- Tổng số tín chỉ: 126 tín chỉ. Số tín chỉ lý thuyết 95 tín chỉ, thực hành 31 tín chỉ, số tín chỉ thực hành chiếm 25%. (Tin học: 1, Ngành: 10, Chuyên ngành: 14, KLTN/TTCK và thay thế khóa luận: 6)

### 9.4 Kế hoạch giảng dạy:

#### Năm 1

| STT | HỌC PHẦN              | TC | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|----|--------------------|---------|
| 1   | Triết học Mác – Lênin | 3  |                    |         |
| 2   | Kinh tế vi mô 1       | 3  |                    |         |

| STT | HỌC PHẦN                                     | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------|-----------|-----------------------|---------|
| 3   | Tiếng Anh 1                                  | 3         |                       |         |
| 4   | Toán cao cấp                                 | 4         |                       |         |
| 5   | Giáo dục quốc phòng                          | 8         |                       |         |
| 6   | Giáo dục thể chất                            | 1         |                       |         |
| 7   | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                | 2         | Triết học Mác - Lênin |         |
| 8   | Pháp luật đại cương                          | 3         |                       |         |
| 9   | Tiếng Anh 2                                  | 3         | Tiếng Anh 1           |         |
| 10  | Quản trị học                                 | 3         |                       |         |
| 11  | Kinh tế vĩ mô 1                              | 3         |                       |         |
| 12  | Nguyên lý Marketing                          | 3         |                       |         |
| 13  | Nguyên lý kế toán                            | 3         |                       |         |
| 14  | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | 3         |                       |         |
| 15  | Tin học ứng dụng                             | 4         |                       |         |
| 16  | Giáo dục thể chất                            | 1         |                       |         |
|     | Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)       | <b>40</b> |                       |         |

**Năm 2**

| STT | HỌC PHẦN                                     | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                                                              | GHI CHÚ                     |
|-----|----------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                    | 2  | Triết học Mác – Lênin;<br>Kinh tế chính trị Mác - Lênin                            |                             |
| 2   | Tiếng Anh 3                                  | 3  | Tiếng Anh 2                                                                        |                             |
| 3   | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng      | 3  |                                                                                    |                             |
| 4   | Kinh tế lượng                                | 3  |                                                                                    |                             |
| 5   | Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 2 | 2  | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                       |                             |
| 6   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                         | 2  | Triết học Mác – Lênin;<br>Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học |                             |
| 7   | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm              | 3  | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                      |                             |
| 8   | Nguyên lý Thẩm định giá                      | 3  | Kinh tế vi mô 1                                                                    |                             |
| 9   | Tiếng Anh 4                                  | 3  | Tiếng Anh 3                                                                        |                             |
| 10  | Tài chính doanh nghiệp 1                     | 3  | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1                                      | <b>Tiếng Anh</b>            |
| 11  | Giáo dục thể chất                            | 1  |                                                                                    |                             |
| 12  | Tài chính công                               | 3  |                                                                                    | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |



| STT | HỌC PHẦN                               | TC        | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                         | GHI CHÚ                     |
|-----|----------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------|
| 13  | Thị trường chứng khoán                 | 3         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 14  | Ngân hàng thương mại                   | 3         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 |                             |
| 15  | Tài chính quốc tế                      | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1                      | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 16  | Tiếng Anh 5                            | 3         | Tiếng Anh 4                                   |                             |
| 17  | Giáo dục thể chất                      | 1         |                                               |                             |
|     | Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất) | <b>42</b> |                                               |                             |

**Năm 3****1. Các học phần học chung**

| STT | HỌC PHẦN                       | TC       | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                                                                                 | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2        | Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh |         |
| 2   | Thuế 1                         | 3        |                                                                                                       |         |
| 3   | Tiếng Anh 6                    | 3        | Tiếng Anh 5                                                                                           |         |
|     | Tổng cộng                      | <b>8</b> |                                                                                                       |         |

**2. Các học phần kiến thức bổ trợ ngành:**

| Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau |                                                        |    |                                                                                                |         |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| STT                                 | HỌC PHẦN                                               | TC | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                                                                          | GHI CHÚ |
| 1                                   | Tài chính hành vi                                      | 3  | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                    |         |
|                                     | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng               |    | Ngân hàng thương mại                                                                           |         |
|                                     | Quản trị rủi ro các định chế tài chính                 |    | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 và Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 |         |
|                                     | Nhập môn chính sách công                               |    |                                                                                                |         |
|                                     | Thẩm định giá bất động sản 2                           |    | Thẩm định giá bất động sản 1                                                                   |         |
|                                     | Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu |    |                                                                                                |         |
|                                     | Kế toán tài chính 1                                    |    |                                                                                                |         |
| Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau |                                                        |    |                                                                                                |         |

| STT | HỌC PHẦN                   | TC       | HỌC PHẦN<br>HỌC TRƯỚC                      | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------|----------|--------------------------------------------|---------|
| 2   | Công nghệ tài chính        | 3        | Tài chính doanh nghiệp 1                   |         |
|     | Ngân hàng số               |          | Ngân hàng thương mại                       |         |
|     | Quản trị tài chính cá nhân |          | Tài chính doanh nghiệp 1                   |         |
|     | Nhập môn an sinh xã hội    |          |                                            |         |
|     | Kỹ thuật bất động sản      |          | Pháp luật trong thẩm định giá bất động sản |         |
|     | Kiểm tra sau thông quan    |          |                                            |         |
|     | Kế toán thuế               |          |                                            |         |
|     | <b>Tổng</b>                | <b>6</b> |                                            |         |

### 3. Các học phần bắt buộc của các chuyên ngành

| <i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</i> |                                  |           |                                                                                                                  |                             |
|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| STT                                         | HỌC PHẦN                         | TC        | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                                                               | GHI CHÚ                     |
| 1                                           | Thực hành nghề nghiệp 1          | 3         | Ngân hàng thương mại;<br>Tài chính doanh nghiệp 1;<br>Thị trường chứng khoán;<br>Nguyên lý và thực hành bảo hiểm |                             |
| 2                                           | Thực hành nghề nghiệp 2          | 3         | Thực hành nghề nghiệp 1                                                                                          |                             |
| 3                                           | Tài chính doanh nghiệp 2         | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1                                                                                         | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 4                                           | Quản trị rủi ro tài chính        | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1                                                                                         |                             |
| 5                                           | Phân tích Tài chính doanh nghiệp | 3         | Tài chính doanh nghiệp 1                                                                                         | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
|                                             | <b>Tổng</b>                      | <b>15</b> |                                                                                                                  |                             |
| <i>Chuyên ngành: Ngân hàng</i>              |                                  |           |                                                                                                                  |                             |
| STT                                         | HỌC PHẦN                         | TC        | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                                                               | GHI CHÚ                     |
| 1                                           | Thực hành nghề nghiệp 1          | 3         | Ngân hàng thương mại;<br>Tài chính doanh nghiệp 1;<br>Thị trường chứng khoán;<br>Nguyên lý và thực hành bảo hiểm |                             |
| 2                                           | Thực hành nghề nghiệp 2          | 3         | Thực hành nghề nghiệp 1                                                                                          |                             |
| 3                                           | Thẩm định tín dụng               | 3         | Ngân hàng thương mại                                                                                             | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 4                                           | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng | 3         | Ngân hàng thương mại                                                                                             | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |

| 5                                              | Quản trị ngân hàng                               | 3         | Ngân hàng thương mại                                           |                             |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                                | <b>Tổng</b>                                      | <b>15</b> |                                                                |                             |
| <b>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</b> |                                                  |           |                                                                |                             |
| STT                                            | HỌC PHẦN                                         | TC        | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                             | GHI CHÚ                     |
| 1                                              | Thực hành nghề nghiệp 1                          | 3         | Phân loại và xuất xứ hàng hóa XNK; Trị giá hải quan            |                             |
| 2                                              | Thực hành nghề nghiệp 2                          | 3         | Thủ tục hải quan                                               |                             |
| 3                                              | Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu     | 3         |                                                                |                             |
| 4                                              | Trị giá hải quan                                 | 3         |                                                                | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 5                                              | Chính sách thuế quan                             | 3         | Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan | <b>Giảng bằng Tiếng Anh</b> |
| 6                                              | Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu | 3         | Chính sách thuế quan                                           |                             |
|                                                | <b>Tổng</b>                                      | <b>18</b> |                                                                |                             |

**4. Các học phần tự chọn của các chuyên ngành:**

| <b>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</b> |                                          |          |                                                                         |                |
|---------------------------------------------|------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|----------------|
| STT                                         | HỌC PHẦN                                 | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                      | GHI CHÚ        |
| 1                                           | Mô hình tài chính                        | 3        | Phân tích tài chính doanh nghiệp                                        | Chọn 1 trong 2 |
|                                             | Đầu tư tài chính                         |          |                                                                         |                |
| 2                                           | Thẩm định dự án đầu tư                   | 3        | Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 | Chọn 1 trong 2 |
|                                             | Hoạch định ngân sách vốn đầu tư          |          |                                                                         |                |
| 3                                           | Hợp nhất và sáp nhập                     | 3        | Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 | Chọn 1 trong 2 |
|                                             | Chiến lược tài chính công ty             |          |                                                                         |                |
|                                             | <b>Tổng</b>                              | <b>9</b> |                                                                         |                |
| <b>Chuyên ngành: Ngân hàng</b>              |                                          |          |                                                                         |                |
| STT                                         | HỌC PHẦN                                 | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                                                      | GHI CHÚ        |
| 1                                           | Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel | 3        | Ngân hàng thương mại                                                    | Chọn 1 trong 3 |
|                                             | Xếp hạng tín dụng                        |          |                                                                         |                |
|                                             | Ngân hàng đầu tư                         |          |                                                                         |                |
| 2                                           | Ngân hàng trung ương                     | 3        | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại     | Chọn 1 trong 3 |
|                                             | Kinh doanh ngoại hối                     |          |                                                                         |                |
|                                             | Kế toán ngân hàng                        |          |                                                                         |                |
| 3                                           | Ngân hàng quốc tế                        |          | Ngân hàng thương mại                                                    |                |



|                                                | Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính | 3        |                    | Chọn 1 trong 3 |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------|--------------------|----------------|
|                                                | Thị trường chứng khoán phái sinh                    |          |                    |                |
|                                                | <b>Tổng</b>                                         | <b>9</b> |                    |                |
| <b>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</b> |                                                     |          |                    |                |
| STT                                            | HỌC PHẦN                                            | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC | GHI CHÚ        |
| 1                                              | Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ                         | 3        |                    | Chọn 1 trong 2 |
|                                                | Quản trị xuất nhập khẩu                             |          |                    |                |
| 2                                              | Kiểm soát hải quan                                  | 3        |                    | Chọn 1 trong 2 |
|                                                | Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu          |          |                    |                |
|                                                | <b>Tổng</b>                                         | <b>6</b> |                    |                |

**Năm 4**

Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Đối với sinh viên không làm khóa luận thì sẽ Thực tập cuối khóa 3 TC, đồng thời trong thời gian này phải học bổ sung thêm 1 học phần tổng cộng 3 TC:

| <b>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng</b> |                                                                    |          |                                                |         |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------|---------|
| STT                                                    | HỌC PHẦN                                                           | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                             | GHI CHÚ |
| 1                                                      | Khóa luận tốt nghiệp                                               | 6        | Tất cả các học phần chuyên ngành               |         |
| <b>Hoặc</b>                                            |                                                                    |          |                                                |         |
| 1                                                      | Thực tập cuối khóa                                                 | 3        | Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 2 |         |
| 2                                                      | Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính | 3        | Thực hành nghề nghiệp 1, 2                     |         |
|                                                        | <b>Tổng cộng</b>                                                   | <b>6</b> |                                                |         |
| <b>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</b>         |                                                                    |          |                                                |         |
| STT                                                    | HỌC PHẦN                                                           | TC       | HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC                             | GHI CHÚ |
| 1                                                      | Khóa luận tốt nghiệp                                               | 6        | Xong tất cả các học phần chuyên ngành          |         |
| <b>Hoặc</b>                                            |                                                                    |          |                                                |         |
| 1                                                      | Thực tập cuối khóa                                                 | 3        | Xong tất cả các học phần chuyên ngành          |         |
| 2                                                      | Thực hành khai báo hải quan                                        | 3        | Quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK          |         |
|                                                        | <b>Tổng cộng</b>                                                   | <b>6</b> |                                                |         |

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

#### ❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Phòng QLĐT chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

Sinh viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

#### ❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

**Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

**Tranh luận:** là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**Phương pháp dạy học nhóm:** Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp sinh viên. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Sinh viên sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

**Phương pháp học dựa trên vấn đề:** Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, sinh viên vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

**Nghiên cứu tình huống:** Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công



việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

## 10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

### ❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

#### Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

| STT | Nội dung                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng |          |       |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|-------|
|     |                                                                  |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê  |
| 1   | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng                 | 64.972,9                    | 62.472,9          |          | 2.500 |
|     | Trong đó:                                                        |                             |                   |          |       |
| a   | 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM               | 13.144,3                    | 13.144,3          |          |       |
| b   | 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM                 | 9.160                       | 9.160             |          |       |
| c   | B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM    | 39.576                      | 39.576            |          |       |
| d   | 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM         | 444,6                       | 444,6             |          |       |
| e   | 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM       | 148                         | 148               |          |       |
| f   | 2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM                   | 2.500                       |                   |          | 2.500 |
| 2   | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học | 39.760                      | 32.407            |          | 7.353 |
|     | Trong đó:                                                        |                             |                   |          |       |
| a   | 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM               | 3.747                       | 3.747             |          |       |
| b   | 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM                 | 11.451                      | 11.451            |          |       |
| c   | B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM    | 16.275                      | 16.275            |          |       |



|   |                                                            |       |     |  |       |
|---|------------------------------------------------------------|-------|-----|--|-------|
| d | 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM   | 688   | 688 |  |       |
| e | 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM | 246   | 246 |  |       |
| f | 2C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM             | 7.353 |     |  | 7.353 |

**Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu**

| STT | Tên                      | Số lượng | Mục đích sử dụng                                  | Đối tượng sử dụng               | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |        |
|-----|--------------------------|----------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|--------|
|     |                          |          |                                                   |                                 |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê   |
| 1   | Phòng thí nghiệm         | 0        |                                                   |                                 |                             |                   |          |        |
| 2   | Phòng thực hành          | 46       | Học tin học, tiếng Anh, thực hành doanh nghiệp ảo | Sinh viên, giảng viên           | 3.409                       | 3.409             |          |        |
| 3   | Xưởng thực tập           | 0        |                                                   |                                 |                             |                   |          |        |
| 4   | Nhà tập đa năng          | 4        | Tập luyện thể thao                                | Học viên, sinh viên, CBVC       | 2.765                       | 2.765             |          |        |
| 5   | Hội trường               | 6        | Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện ...           | Học viên, sinh viên, CBVC       | 3.411,3                     | 2.771,3           |          | 640    |
| 6   | Phòng học                | 296      | Giảng dạy, học tập                                | Học viên, sinh viên, giảng viên | 24.533                      | 18.909            |          | 13.624 |
| 7   | Phòng học đa phương tiện | 0        |                                                   |                                 |                             |                   |          |        |
| 8   | Thư viện                 | 3        | Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH                | Học viên, sinh viên, CBVC       | 2.817                       | 2.417             |          | 400    |

|    |                          |    |                                        |                           |       |       |  |     |
|----|--------------------------|----|----------------------------------------|---------------------------|-------|-------|--|-----|
| 9  | Trung tâm học liệu       | 0  |                                        |                           |       |       |  |     |
| 10 | Các phòng chức năng khác | 42 | Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng đa năng | CBVC, học viên, sinh viên | 2.825 | 2.136 |  | 689 |

**Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)**

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m<sup>2</sup>, trong đó có 1.300 m<sup>2</sup> là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
  - o Cơ sở 1: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
  - o Cơ sở 2: 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
  - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Hồ Chí Minh.
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
  - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
  - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
  - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
  - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
  - o Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
  - o Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300

| STT   | Nội dung                                                                             | Số lượng                              |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1     | Số phòng đọc                                                                         | 5                                     |
| 2     | Số chỗ ngồi đọc                                                                      | 300                                   |
| 3     | Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu                                             | 101                                   |
| 4     | Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) | 21.177                                |
| 4.1   | Tài liệu dạng in                                                                     |                                       |
| 4.1.1 | Sách                                                                                 | 17.235 tựa/ 56.434 bản                |
| 4.1.2 | Luận văn Thạc sĩ                                                                     | 2.417                                 |
| 4.1.3 | Chuyên đề tốt nghiệp                                                                 | 1.480                                 |
| 4.1.4 | Báo - tạp chí                                                                        | 10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin |
| 4.2   | Tài liệu điện tử                                                                     |                                       |
| 4.2.1 | Luận văn Thạc sĩ                                                                     | 2.207                                 |
| 4.2.2 | Bài trích Báo – Tạp chí                                                              | 411                                   |

| STT   | Nội dung                                  | Số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.2.3 | Chuyên đề tốt nghiệp                      | 99                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4.2.4 | Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học        | 167                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4.2.5 | Cơ sở dữ liệu                             | Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...)<br>Emerald<br>Sage<br>Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro) |
| 5     | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

❖ **Học liệu**

*Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo*

| STT | Tên Giáo trình                                                          | Tên tác giả                                              | Nhà xuất bản                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|---------------------------|
| 1   | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học                                    | Bộ giáo dục và đào tạo                                   | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội | 2021         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 2   | Tài liệu học tập học phần CNXHKH (dành cho chương trình chất lượng cao) | TS. Phạm Lê Quang, Th.S. Bùi Minh nghĩa                  | Lưu hành nội bộ                 | 2020         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 3   | Slide bài giảng học phần CNXHKH                                         | Bộ môn Mác – Lênin, trường Đại học Tài chính - Marketing | Lưu hành nội bộ                 | 2022         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 4   | Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc                                    | Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng                           | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội | 2018         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 5   | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời                                 | Đảng Cộng sản Việt Nam                                   | Nxb. Sự Thật, Hà Nội            | 2011         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |



| STT | Tên Giáo trình                                                                                                               | Tên tác giả                                                                                                     | Nhà xuất bản                             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------|
|     | kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (bổ sung và phát triển)                                                                      |                                                                                                                 |                                          |              |                           |
| 6   | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                                         | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2010         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 7   | Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới | GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS Nguyễn Viết Thông...                      | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.         | 2018         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 8   | Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam                       | Tổng bí thư Nguyễn Trọng Phú                                                                                    | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2022         | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 9   | Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin                                                                                       | Bộ Giáo dục & Đào tạo                                                                                           | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội          | 2021         | Kinh tế chính trị M-L     |
| 10  | C.Mác và Ph.Ăngghen : Toàn tập                                                                                               | C.Mác và Ph.Ăngghen                                                                                             | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội          | 1999         | Kinh tế chính trị M-L     |
| 11  | Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,                                                                             | Đảng Cộng sản Việt Nam                                                                                          | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội          | 2016         | Kinh tế chính trị M-L     |
| 12  | Cách mạng công nghiệp lần thứ tư                                                                                             | Klaus Schwab (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính)                                                                  | Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội | 2018         | Kinh tế chính trị M-L     |
| 13  | Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)                             | Bộ Giáo dục & Đào tạo                                                                                           | Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội | 2022         | Triết học Mác – Lênin     |

| STT | Tên Giáo trình                                                                             | Tên tác giả                                       | Nhà xuất bản                             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|-----------------------|
| 14  | Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin                                                       | Trường Đại học tài chính-Marketing                | Lưu hành nội bộ                          | 2020         | Triết học Mác – Lênin |
| 15  | Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ chuyên lý luận chính trị) | Bộ Giáo dục & Đào tạo                             | Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội | 2022         | Triết học Mác – Lênin |
| 16  | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                  | Bộ Giáo dục & Đào tạo                             | Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, | 2021         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 17  | Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                            | Trường Đại học Tài chính - Marketing              | Lưu hành nội bộ                          | 2020         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 18  | Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                  | Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2018         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 19  | Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)                         | Bộ Giáo dục và đào tạo                            | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2007         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 20  | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                  | Bộ Giáo dục và đào tạo                            | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2006         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 21  | Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII                                            | Đảng Cộng sản Việt Nam                            | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2016         | Lịch sử ĐCSVN         |
| 22  | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)   | Bộ Giáo dục và đào tạo                            | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội          | 2021         | Tư tưởng Hồ Chí Minh  |
| 23  | Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                      | Trường Đại học Tài chính - Marketing              | Lưu hành nội bộ                          | 2021         | Tư tưởng Hồ Chí Minh  |
| 24  | Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII. XIII                | Đảng Cộng sản Việt Nam                            | Nxb. Chính trị quốc gia                  | 2017         | Tư tưởng Hồ Chí Minh  |

| STT | Tên Giáo trình                                       | Tên tác giả                                               | Nhà xuất bản                   | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần           |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|--------------------------------|
| 25  | Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam | Đại tướng Võ Nguyên Giáp                                  | Nxb. Chính trị quốc gia        | 2011         | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 26  | Hồ Chí Minh toàn tập tập 1 – 15                      |                                                           | Nxb. Chính trị quốc gia        | 2011         | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 27  | Hồ Chí Minh – Tiểu sử                                | GS Song Thành (Chủ biên)                                  | Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội | 2006         | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |
| 28  | Tập bài giảng Pháp luật đại cương                    | Bộ môn Luật, Trường ĐH Tài chính- Marketing               |                                | 2018         | Pháp luật đại cương            |
| 29  | Giáo trình “Lý luận về nhà nước và pháp luật”        | Trường Đại học Luật Hà Nội                                | CAND                           | 2021         | Pháp luật đại cương            |
| 30  | Giáo trình “Pháp luật đại cương”                     | Lê Minh Toàn                                              | CTQG Sự thật                   | 2022         | Pháp luật đại cương            |
| 31  | Giáo trình “Lý luận chung về nhà nước và pháp luật”  | Nguyễn Minh Đoan                                          | CTQG Sự thật                   | 2020         | Pháp luật đại cương            |
| 32  | Personal Best B1 <sup>+</sup> (A)                    | Burton, G.                                                | Richmond                       | 2017         | Tiếng Anh 1                    |
| 33  | Personal Best B1 <sup>+</sup> (B)                    | Burton, G.                                                | Richmond                       | 2017         | Tiếng Anh 2                    |
| 34  | Personal Best B2(A)                                  | Burton, G.                                                | Richmond                       | 2017         | Tiếng Anh 3                    |
| 35  | Personal Best B2(B)                                  | Burton, G.                                                | Richmond                       | 2017         | Tiếng Anh 4                    |
| 36  | Business Partner B1 <sup>+</sup>                     | Iwonna, D., Margaret, O., Bob, D., Mike, H., & Lizzie, W. | Pearson                        | 2019         | Tiếng Anh 5, 6                 |
| 37  | Speaking for Ielts                                   | Kovacs, K.                                                | HarperCollins Publishers       | 2011         | Thực hành Tiếng Anh 1, 2, 3, 4 |



| STT | Tên Giáo trình                                                                                        | Tên tác giả                                                                             | Nhà xuất bản                         | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------|---------------------------------|
| 38  | Toán cơ sở cho kinh tế                                                                                | Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)                                                             | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam       | 2014         | Toán cao cấp                    |
| 39  | Bài giảng Toán dành cho Kinh tế và Quản trị                                                           | Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)                                                             | Trường Đại học Tài Chính – Marketing |              | Toán cao cấp                    |
| 40  | Giáo trình Toán cao cấp,                                                                              | Trần Minh Thuyết                                                                        | NXB Tài Chính                        | 2007         | Toán cao cấp                    |
| 41  | Bài giảng Kinh Tế Lượng                                                                               | Nhóm tác giả Bộ môn Toán, Trường Đại học Tài chính - Marketing                          | Trường Đại học Tài Chính – Marketing | 2013         | Kinh Tế Lượng                   |
| 42  | Basic Econometrics, 3rd edition. (Ấn bản lần 3 do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright biên dịch) | Damodar N. Gujarati                                                                     | McGraw-Hill International            | 1995         | Kinh Tế Lượng                   |
| 43  | Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3                                            | Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ |                                      | 2018         | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 44  | Microsoft Office 2019 Step by Step                                                                    | Curties Frye                                                                            | Microsoft Press                      | 2018         | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 45  | Kinh tế học Vi mô (Nhóm giảng viên khoa Kinh tế học Đại học Kinh Tế Quốc Dân dịch)                    | David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch                                       | Thống Kê                             | 2018         | Kinh Tế Vi Mô 1                 |
| 46  | Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô                                                                        | Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Trường Đại học Tài chính - Marketing                   | Trường Đại học Tài Chính – Marketing | 2018         | Kinh Tế Vi Mô 1                 |
| 47  | Giáo trình Kinh tế vĩ mô                                                                              | Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)                                                     | Trường Đại học Tài Chính – Marketing | 2022         | Kinh Tế Vĩ Mô 1                 |

| STT | Tên Giáo trình                                                 | Tên tác giả                            | Nhà xuất bản                                   | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần |
|-----|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|----------------------|
| 48  | Kinh tế học vĩ mô (Khoa Kinh Tế trường ĐH Kinh Tế TP.HCM dịch) | N. Gregory Mankiw                      | Hồng Đức                                       | 2019         | Kinh Tế Vĩ Mô 1      |
| 49  | Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô                                 | Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)    | Trường Đại học Tài Chính – Marketing           | 2018         | Kinh Tế Vĩ Mô 1      |
| 50  | Nguyên lý kế toán                                              | Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự             | NXB Tài chính                                  | 2022         | Nguyên lý kế toán    |
| 51  | Bài tập Nguyên lý kế toán                                      | Khoa KTKT                              | Tài liệu học tập Trường ĐH Tài chính Marketing | 2020         | Nguyên lý kế toán    |
| 52  | Nguyên lý kế toán                                              | Võ Văn Nhị và cộng sự                  | NXB Tài chính                                  | 2018         | Nguyên lý kế toán    |
| 53  | Nguyên lý kế toán                                              | Vũ Hữu Đức và cộng sự                  | NXB Kinh tế                                    | 2020         | Nguyên lý kế toán    |
| 54  | Marketing căn bản                                              | Ngô Thị Thu (chủ biên) và cộng sự      | Lao động xã hội                                | 2011         | Nguyên lý Marketing  |
| 55  | Nguyên lý Marketing                                            | Ngô Thị Thu và cộng sự                 | Lưu hành nội bộ                                | 2020         | Nguyên lý Marketing  |
| 56  | Principles of marketing                                        | Kotler, P., & Armstrong, G.            | Pearson                                        | 2021         | Nguyên lý Marketing  |
| 57  | Quản trị học                                                   | Cảnh Chí Hoàng                         | Lưu hành nội bộ                                | 2021         | Quản trị học         |
| 58  | Fundamentals of Management                                     | Ricky Griffin                          | South-Western Cengage Learning.                | 2018         | Quản trị học         |
| 59  | Quản trị học                                                   | Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh | Nxb Kinh tế TP Hồ Chí Minh.                    | 2015         | Quản trị học         |
| 60  | Những cốt yếu của quản lý                                      | Harold Koontz và cộng sự               | Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.                  | 1998         | Quản trị học         |

| STT | Tên Giáo trình                                         | Tên tác giả                        | Nhà xuất bản                         | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                                    |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------|
| 61  | Quản trị học                                           | Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội      | Nxb Hồng Đức.                        | 2012         | Quản trị học                                            |
| 62  | Bài giảng tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1 | Khoa Tài chính – Ngân hàng         |                                      | 2019         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2         |
| 63  | The Economics of Money, Banking and Financial Markets, | Mishkin, F                         | Edn. Pearson                         | 2019         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2         |
| 64  | Financial Markets & Institutions                       | Mishkin, F. and Eakins, S.         | Edn. Pearson                         | 2018         | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2         |
| 65  | Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê               | Dương Thị Phương Liên (chủ biên)   | Trường Đại học Tài Chính – Marketing | 2015         | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng                 |
| 66  | Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán         | Nguyễn Cao Văn (chủ biên)          | NXB Đại học Kinh tế quốc dân         | 2012         | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng                 |
| 67  | Kinh doanh Ngoại hối                                   | Phạm Quốc Việt                     | NXB Tài Chính                        | 2016         | Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế                 |
| 68  | Ngân hàng thương mại                                   | Trần Huy Hoàng                     | NXB Tài Chính                        | 2019         | Ngân hàng thương mại                                    |
| 69  | Ngân hàng Trung ương                                   | Trần Huy Hoàng                     | NXB Tài Chính                        | 2018         | Ngân hàng Trung ương                                    |
| 70  | Quản trị ngân hàng thương mại                          | Trần Huy Hoàng                     | NXB LĐXH                             | 2011         | Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel. |
| 71  | Thị trường chứng khoán                                 | Phạm Tiến Đạt                      | NXB Tài Chính                        | 2021         | Thị trường chứng khoán                                  |
| 72  | Thẩm định tín dụng                                     | Trần Huy Hoàng                     | NXB Tài Chính                        | 2020         | Thẩm định tín dụng                                      |
| 73  | Ngân hàng quốc tế 1                                    | Trần Huy Hoàng<br>Lê Thị Thuý Hằng | NXB Tài Chính                        | 2020         | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng,                       |



| STT | Tên Giáo trình                                  | Tên tác giả                       | Nhà xuất bản                    | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                     |
|-----|-------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------------------|
|     |                                                 |                                   |                                 |              | Ngân hàng quốc tế                        |
| 74  | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng        | Lê Thị Thuý Hằng                  | NXB Tài Chính                   | 2022         | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng |
| 75  | Thị trường chứng khoán phái sinh                | Trần Huy Hoàng                    | NXB Tài Chính                   | 2022         | Thị trường chứng khoán phái sinh         |
| 76  | Xếp hạng tín dụng                               | Phan Thị Hằng Nga                 | NXB Tài Chính                   | 2021         | Xếp hạng tín dụng                        |
| 77  | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm                 | Hồ Thủy Tiên                      | NXB Tài Chính                   | 2015         | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm          |
| 78  | Corporate Finance 11th                          | Ross, Westerfield, Jaffe          | McGraw Hill                     | 2015         | Tài chính doanh nghiệp 1, 2              |
| 79  | International financial management 13th         | Jeff Madura                       | Cengage Learning                | 2017         | Tài chính quốc tế                        |
| 80  | Financial Reporting & Analysis 13th             | Revsine, Collins, Johnson         | Cengage Learning                | 2013         | Phân tích tài chính doanh nghiệp         |
| 81  | Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính | M. Chance Don; Robert Brooks      | Cengage Learning                | 2015         | Quản trị rủi ro tài chính                |
| 82  | Mô hình tài chính                               | Bùi Hữu Phước                     | Lưu hành nội bộ                 | 2019         | Mô hình tài chính                        |
| 83  | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư             | Bộ môn Quản trị dự án – tài chính | NXB Thống kê                    | 2009         | Thẩm định dự án đầu tư                   |
| 84  | Hoạch định ngân sách vốn đầu tư                 | Lê Thị Lanh                       | NXB Lao động                    | 2011         | Hoạch định ngân sách vốn đầu tư          |
| 85  | Hợp nhất và sát nhập                            | Phạm Quốc Việt                    | Trường ĐH Tài chính – Marketing | 2022         | Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp           |
| 86  | Corporate Finance and Financial Strategy        | Tony Davies, Ian Crawford         | Pearson                         | 2014         | Chiến lược tài chính công ty             |

| STT | Tên Giáo trình                                             | Tên tác giả                                  | Nhà xuất bản                  | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                                   |
|-----|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|
| 87  | Tài chính hành vi, tâm lý học, ra quyết định và thị trường | Lê Đạt Chí                                   | NXB Kinh tế                   | 2013         | Tài chính hành vi                                      |
| 88  | Fintech and the Remarking of Financial Institutions        | John Hill                                    | Elsevier                      | 2018         | Tài chính công nghệ                                    |
| 89  | Giáo trình Nguyên lý thẩm định giá                         | Nguyễn Thanh Nhã chủ biên                    | Tài chính,                    | 2020         | Nguyên lý thẩm định giá                                |
| 90  | Bài giảng thẩm định giá bất động sản 2                     | Khoa Thẩm Định giá & Kinh doanh Bất Động sản | Đại học Tài chính - Marketing |              | Thẩm định giá bất động sản 2                           |
| 91  | Giáo trình thẩm định giá bất động sản                      | ThS. Nguyễn Thế Phương.                      | Phương Đông                   | 2011         | Thẩm định giá bất động sản 2                           |
| 92  | Bài giảng kỹ thuật bất động sản                            | Khoa Thẩm Định giá & Kinh doanh Bất Động sản | Đại học Tài chính - Marketing |              | Kỹ thuật bất động sản                                  |
| 93  | Tài liệu đào tạo Trị giá hải quan                          | Tổng cục hải quan                            | NXB Tài chính                 | 2017         | Trị giá hải quan                                       |
| 94  | Phân loại hàng hóa và xuất xứ hàng hóa                     | Nguyễn Thị Thương Huyền và Nguyễn Hoàng Tuấn | NXB Tài chính                 | 2012         | Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu           |
| 95  | Giáo trình vận tải và bảo hiểm ngoại thương                | Trịnh Thị Thu Hương                          | NXB Thông tin và truyền thông | 2011         | Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu |
| 96  | Tài liệu đào tạo Xuất xứ hàng hóa và Sở hữu trí tuệ        | Tổng cục hải quan                            | NXB Tài chính                 | 2017         | Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ                            |
| 97  | Tài liệu đào tạo Thuế hải quan                             | Tổng cục hải quan                            | NXB Tài chính                 | 2012         | Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu                   |
| 98  | Tài liệu đào tạo Kiểm tra sau thông quan                   | Tổng cục hải quan                            | NXB Tài chính                 | 2017         | Kiểm tra sau thông quan                                |
| 99  | Tài liệu đào tạo Thuế hải quan                             | Tổng cục hải quan                            | NXB Tài chính                 | 2012         | Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu             |

| STT | Tên Giáo trình                                                                  | Tên tác giả                                 | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|--------------|----------------------|
| 100 | Tài liệu Nghiệp vụ kiểm soát chống buôn lậu, 2017 của Trường Hải quan Việt Nam. | Tổng cục Hải quan, Trường Hải quan Việt Nam | Trường Hải quan Việt Nam | 2017         | Kiểm soát hải quan   |
| 101 | Thủ tục, kiểm tra và giám sát hải quan                                          | Tổng cục hải quan                           | NXB Tài chính            | 2012         | Thủ tục hải quan     |
| 102 | Thủ tục, kiểm tra và giám sát hải quan                                          | Tổng cục hải quan                           | NXB Tài chính            | 2017         | Chính sách Thuế quan |

❖ **Giảng viên tham gia giảng dạy:**

| STT | HỌ VÀ TÊN           | HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                                                       |
|-----|---------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lại Văn Nam         | Tiến sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 2   | Nguyễn Minh Hiền    | Thạc sĩ - GVC         | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 3   | Phạm Lê Quang       | Tiến sĩ- GVC          | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 4   | Đặng Chung Kiên     | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 5   | Ngô Quang Thịnh     | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 6   | Đỗ Thị Thanh Huyền  | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 7   | Lê Thị Hoài Nghĩa   | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 8   | Bùi Minh Nghĩa      | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 9   | Bùi Thanh Tùng      | Thạc sĩ               | Kinh tế chính trị M-L                                                             |
| 10  | Nguyễn Ngọc Võ Khoa | Thạc sĩ               | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L                                |



|    |                    |                  |                                                                                   |
|----|--------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|    |                    |                  | - Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                       |
| 11 | Phạm Thanh Vân     | Thạc sĩ          | - Triết học Mác – Lênin<br>- Kinh tế chính trị M-L<br>- Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 12 | Nguyễn Tấn Hưng    | Tiến sĩ-<br>GVC  | - Triết học Mác – Lênin                                                           |
| 13 | Nguyễn Công Duy    | Thạc sĩ          | - Triết học Mác – Lênin                                                           |
| 14 | Lê Ngọc Dũng       | Thạc sĩ          | - Triết học Mác – Lênin                                                           |
| 15 | Trần Hạ Long       | Thạc sĩ          | - Triết học Mác – Lênin<br>- Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh              |
| 16 | Đặng Hữu Sửu       | Thạc sĩ -<br>GVC | - Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh                                         |
| 17 | Vũ Văn Quế         | Thạc sĩ          | - Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh                                         |
| 18 | Lê Văn Dũng        | Thạc sĩ          | - Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh                                         |
| 19 | Mạch Ngọc Thủy     | Thạc sĩ          | - Triết học Mác – Lênin<br>- Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh              |
| 20 | Hoàng Thị Mỹ Nhân  | Thạc sĩ          | - Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh                                         |
| 21 | Nguyễn Thị Túy     | Thạc sĩ          | - Lịch sử ĐCSVN<br>- Tư tưởng Hồ Chí Minh                                         |
| 22 | Lê Thị Thủy        | Thạc sĩ          | - Lịch sử ĐCSVN                                                                   |
| 23 | Đoàn Ngọc Phúc     | Tiến sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 24 | Phạm Thị Vân Anh   | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 25 | Ngô Thị Hồng Giang | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 26 | Nguyễn Thị Hào     | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 27 | Lại Thị Tuyết Lan  | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 28 | Nguyễn Thị Quý     | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 29 | Nguyễn Quyết       | Tiến sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |
| 30 | Nguyễn Bá Thanh    | Thạc sĩ          | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                                |

|    |                       |         |                                                                          |
|----|-----------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------|
| 31 | Nguyễn Văn Tuyên      | Tiến sĩ | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                       |
| 32 | Lê Thị Bích Thảo      | Thạc sĩ | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                       |
| 33 | Hoàng Thị Xuân        | Thạc sĩ | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                       |
| 34 | Phan Ngọc Yến Xuân    | Thạc sĩ | Kinh tế vi mô 1<br>Kinh tế vĩ mô 1                                       |
| 35 | Nguyễn Huy Hoàng      | Tiến sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 36 | Nguyễn Văn Phong      | Thạc sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 37 | Nguyễn Tuấn Duy       | Tiến sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 38 | Ngô Thái Hưng         | Tiến sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 39 | Nguyễn Trung Đông     | Thạc sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 40 | Võ Thị Bích Khuê      | Tiến sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 41 | Dương Thị Phương Liên | Thạc sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 42 | Phạm Thị Thu Hiền     | Thạc sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 43 | Trần Đình Phụng       | Tiến sĩ | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 44 | Trần Đình Tường       | Tiến sĩ | Kinh tế lượng                                                            |

|    |                       |                 |                                                                          |
|----|-----------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|
|    |                       |                 | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp                  |
| 45 | Nguyễn Đức Bằng       | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 46 | Trần Mạnh Tường       | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 47 | Lê Thị Ngọc Hạnh      | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 48 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 49 | Phan Chí Kiên         | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 50 | Phạm Việt Huy         | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 51 | Vũ Anh Linh Duyệt     | Thạc sĩ         | Kinh tế lượng<br>Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng<br>Toán cao cấp |
| 52 | Trần Văn Bình         | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 53 | Tô Thị Đông Hà        | Thạc sĩ,<br>NCS | Pháp luật đại cương                                                      |
| 54 | Nguyễn Tú             | Tiến sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 55 | Nguyễn Thị Thái Thuận | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 56 | Phạm Thị Nguyệt Sương | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 57 | Kinh Thị Tuyết        | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 58 | Thái Thị Tường Vi     | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 59 | Hồ Thị Thanh Trúc     | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 60 | Ngô Thị Duyên         | Thạc sĩ         | Pháp luật đại cương                                                      |
| 61 | Trần Thị Huyền Trang  | Thạc sĩ,<br>NCS | Pháp luật đại cương                                                      |



|     |                       |         |                     |
|-----|-----------------------|---------|---------------------|
| 62  | Đàm Đức Tuyền         | Thạc sĩ | Pháp luật đại cương |
| 63  | Bảo Trung             | Tiến sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 64  | Nguyễn Anh Tuấn       | Tiến sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 65  | Nguyễn Thành Nam      | Tiến sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 66  | Tạ Văn Thành          | Tiến sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 67  | Dur Thị Chung         | Tiến sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 68  | Nguyễn Thái Hà        | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 69  | Trần Nhật Minh        | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 70  | Đặng Huỳnh Phương     | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 71  | Ngô Vũ Quỳnh Thi      | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 72  | Nguyễn Nam Phong      | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 73  | Trương Thu Nga        | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 74  | Phạm Thị Lan Phương   | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 75  | Nguyễn Minh Triết     | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 76  | Nguyễn Thị Hồng Hoa   | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 77  | Nguyễn Thị Minh Ngọc  | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 78  | Trịnh Thị Hồng Minh   | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 79  | Ngô Minh Trang        | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 80  | Nguyễn Ngọc Hạnh      | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 81  | Ninh Đức Cúc Nhật     | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 82  | Huỳnh Trị An          | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 83  | Nguyễn Thị Thoa       | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 84  | Lâm Ngọc Thùy         | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 85  | Nguyễn Hoàng Chi      | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 86  | Trần Bá Duy Linh      | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 87  | Nguyễn Đông Triều     | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 88  | Nguyễn Thị Thúy       | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 89  | Nguyễn Ngọc Bích Trâm | Thạc sĩ | Nguyên lý Marketing |
| 90  | Nguyễn Minh Hằng      | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 91  | Thái Trần Văn Hạnh    | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 92  | Lê Hải Mỹ Duyên       | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 93  | Nguyễn Thị Nga Dung   | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 94  | Lê Văn Tuấn           | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 95  | Lê Quang Mẫn          | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 96  | Vương Thị Thanh Nhân  | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 97  | Phạm Thị Kim Thanh    | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 98  | Nguyễn Kim Quốc Trung | Tiến sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 99  | Nguyễn Hà Minh Thi    | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán   |
| 100 | Ngô Thị Mỹ Thúy       | Tiến sĩ | Nguyên lý kế toán   |

|     |                            |         |                                                    |
|-----|----------------------------|---------|----------------------------------------------------|
| 101 | Trần Hằng Diệu             | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 102 | Chu Thị Thương             | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 103 | Ngô Nhật Phương<br>Diễm    | Tiến sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 104 | Lương Thị Thanh Việt       | Tiến sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 105 | Nguyễn Thị Ngọc<br>Oanh    | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 106 | Dương Hoàng Ngọc<br>Khuê   | Tiến sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 107 | Nguyễn Thị Kiều<br>Oanh    | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 108 | Võ Thị Trúc Đào            | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 109 | Ung Hiền Nhã Thi           | Thạc sĩ | Nguyên lý kế toán                                  |
| 110 | Trần Thị Thanh Nga         | Tiến sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 111 | Nguyễn Văn Bồn             | Tiến sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 112 | Chu Thị Thanh Trang        | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 113 | Nguyễn Thị Mỹ Linh<br>1982 | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 114 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc        | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 115 | Nguyễn Xuân Dũng           | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 116 | Vũ Thanh Tùng              | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 117 | Phạm Đức Huy               | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 118 | Trần Nam Hương             | Thạc sĩ | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài<br>chính 1,2 |
| 119 | Trương Thành Công          | Tiến sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 120 | Tôn Thất Hòa An            | Tiến sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 121 | Phạm Thủy Tú               | Tiến sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 122 | Vũ Thị Thanh Hương         | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 123 | Trương Đình Hải<br>Thụy    | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 124 | Trương Xuân Hương          | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 125 | Lâm Hoàng Trúc Mai         | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 126 | Nguyễn Thị Trần Lộc        | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 127 | Nguyễn Thanh Bình          | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 128 | Lê Thị Kim Thoa            | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 129 | Đinh Nguyễn Thúy<br>Nguyệt | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |
| 130 | Thái Thị Ngọc Lý           | Thạc sĩ | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)                    |



|     |                         |          |                                 |
|-----|-------------------------|----------|---------------------------------|
| 131 | Trần Trọng Hiếu         | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 132 | Trần Anh Sơn            | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 133 | Nguyễn Thanh Trường     | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 134 | Trần Thanh San          | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 135 | Nguyễn Quốc Thanh       | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 136 | Nguyễn Huy Khang        | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 137 | Huỳnh Ngọc Thành Trung  | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 138 | Bùi Mạnh Trường         | Thạc sĩ  | Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022) |
| 139 | Nguyễn Thị Châu Ngân    | Tiến sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4            |
| 140 | Dương Thị Thu Hiền      | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4            |
| 141 | Phan Thị Hiền           | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4            |
| 142 | Phạm Thị Thùy Trang     | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4            |
| 143 | Võ Thị Ánh Nguyệt       | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4            |
| 144 | Phan Văn Quang          | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 145 | Trần Thế Khoa           | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 146 | Trần Thúy Quỳnh My      | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 147 | Trần Thúy Trâm Anh      | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 148 | Đặng Thị Ngọc Trinh     | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 149 | Nguyễn Thị Bội Ngọc     | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2                  |
| 150 | Nguyễn Thị Diễm         | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 151 | Đoàn Quang Định         | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2                  |
| 152 | Nguyễn Thị Tuyết Mai    | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 153 | Đặng Nguyễn Phương Thảo | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 5, 6                  |
| 154 | Võ Thị Kim Cúc          | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 155 | Nguyễn Thị Nguyễn       | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 156 | Đặng Thị Ngọc Trinh     | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 157 | Trần Khánh Linh         | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 158 | Hà Thành Thảo Em        | Thạc sĩ  | Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5, 6      |
| 159 | Cảnh Chí Hoàng          | TS, GVC  | Quản trị học                    |
| 160 | Trần Nhân Phúc          | TS       | Quản trị học                    |
| 161 | Nguyễn Thị Minh Trâm    | ThS. GVC | Quản trị học                    |
| 162 | Vũ Hồng Vân             | TS, GVC  | Quản trị học                    |
| 163 | Thái Kim Phong          | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 164 | Trần Thị Siêm           | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 165 | Hoàng Văn Trung         | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 166 | Lê Ngọc Hải             | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 167 | Trần Hải Minh Thư       | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 168 | Phạm Thị Trâm Anh       | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |
| 169 | Thái Kim Phong          | Thạc sĩ  | Quản trị học                    |



|     |                       |                 |                                                                                                                 |
|-----|-----------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 170 | Trương Thị Thúy Vân   | Thạc sĩ         | Quản trị học                                                                                                    |
| 171 | Trần Huy Hoàng        | PGS,<br>Tiến sĩ | Ngân hàng thương mại. Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng |
| 172 | Phạm Quỳnh Châu       | Tiến sĩ         | Ngân hàng thương mại                                                                                            |
| 173 | Lê Thị Thuý Hằng      | Tiến sĩ         | Ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế 1, 2                                              |
| 174 | Nguyễn Vũ Duy         | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại, Thẩm định tín dụng, Xếp hạng tín dụng, Thị trường chứng khoán                             |
| 175 | Nguyễn Mậu Bá Đăng    | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại, Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.      |
| 176 | Phan Thị Hương        | Thạc sĩ         | Thẩm định tín dụng, Ngân hàng quốc tế 1                                                                         |
| 177 | Tô Thị Hồng Gấm       | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương                                                                      |
| 178 | Phạm Quốc Việt        | Tiến sĩ         | Kinh doanh ngoại hối, Thẩm định tín d                                                                           |
| 179 | Phan Thị Hằng Nga     | PGS.TS          | Ngân hàng thương mại, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng                                                  |
| 180 | Nguyễn Vũ Thân        | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán                                                                    |
| 181 | Trần Thị Phương Thanh | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán                                                                    |
| 182 | Trần Văn Trung        | Thạc sĩ         | Thị trường chứng khoán, Thị trường chứng khoán phái sinh, Ngân hàng đầu tư                                      |
| 183 | Phạm Thị Quỳnh Nga    | Thạc sĩ         | Ngân hàng thương mại                                                                                            |
| 184 | Hồ Thủy Tiên          | PGS.TS          | Tài chính quốc tế, Chiến lược tài chính công ty                                                                 |
| 185 | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | PGS.TS          | Tài chính Doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 186 | Bùi Hữu Phước         | TS              | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 187 | Phan Thị Mỹ Hạnh      | TS              | Tài chính quốc tế                                                                                               |
| 188 | Nguyễn Phú Quốc       | Thạc sĩ         | Tài chính Doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 189 | Phạm Thị Thu Hồng     | Thạc sĩ         | Tài chính Doanh nghiệp 1, 2, Toán tài chính                                                                     |
| 190 | Phạm Thanh Truyền     | Thạc sĩ         | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm                                                                                 |
| 191 | Trần Thị Diện         | TS              | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 192 | Lê Võ Đại Hải         | Thạc sĩ         | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 193 | Hồ Thị Lam            | Thạc sĩ         | Quản trị rủi ro tài chính                                                                                       |
| 194 | Ngô Văn Toàn          | Thạc sĩ         | Toán tài chính, 1 Quản trị rủi ro tài chính                                                                     |
| 195 | Trần Phạm Trác        | Thạc sĩ         | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                                     |
| 196 | Nguyễn Thị Hoa        | Thạc sĩ         | Tài chính doanh nghiệp                                                                                          |

|     |                      |         |                                                                                              |
|-----|----------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 197 | Nguyễn Thị Ngọc Loan | Thạc sĩ | Tài chính doanh nghiệp 1, 2                                                                  |
| 198 | Nguyễn Minh Phúc     | Tiến sĩ | Tài chính Doanh nghiệp 1, 2                                                                  |
| 199 | Trần Thị Kim Oanh    | Tiến sĩ | Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm                                    |
| 200 | Nguyễn Xuân Bảo Châu | ThS     | Tài chính quốc tế                                                                            |
| 201 | Nguyễn Quang Minh    | TS      | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm                                                              |
| 202 | Nguyễn Thanh Nhã     | Tiến sĩ | Nguyên lý thẩm định giá                                                                      |
| 203 | Lê Minh PhươngMai    | Thạc sĩ | Kỹ thuật bất động sản, Nguyên lý thẩm định giá                                               |
| 204 | Mai Thị Thanh Trà    | Thạc sĩ | Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá bất động sản 2                                        |
| 205 | Đặng Hòa Kính        | Thạc sĩ | Kỹ thuật bất động sản, Nguyên lý thẩm định giá                                               |
| 206 | Nguyễn Thị Huyền     | Thạc sĩ | Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Trị giá hải quan                                       |
| 207 | Dương Phùng Đức      | Thạc sĩ | Trị giá hải quan, Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu, Kiểm tra sau thông quan      |
| 208 | Trần Xuân Hằng       | Thạc sĩ | Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu |
| 209 | Nguyễn Đức Thuận     | Tiến sĩ | Thủ tục hải quan, Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu                                 |
| 210 | Nguyễn Quý Thắng     | Thạc sĩ | Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Kiểm soát hải quan                                              |

# **11. MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| Mã học phần                     | TÊN HỌC PHẦN          | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------|------|------|---------|------|------|------|-----------------------------------|-------|
|                                 |                       | Kiến thức                             |      |      |      | Kỹ năng |      |      |      | Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm |       |
|                                 |                       | PLO1                                  | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9                              | PLO10 |
| I. Kiến thức giáo dục đại cương |                       |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 1.1 Kiến thức lý luận chính trị |                       |                                       |      |      |      |         |      |      |      |                                   |       |
| 020477                          | Triết học Mác – Lênin | I                                     |      |      |      | R       |      |      |      | R                                 |       |

|                                             |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|---|---|---|--|---|---|---|--|---|---|
| 020478                                      | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020479                                      | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020480                                      | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020016                                      | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| <b>1.2 Kiến thức pháp luật</b>              |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| 020264                                      | Pháp luật đại cương                           | I |   |   |  | R |   |   |  |   |   |
| <b>1.3 Ngoại ngữ</b>                        |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| 020627                                      | Tiếng Anh 1                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| 020628                                      | Tiếng Anh 2                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| 020629                                      | Tiếng Anh 3                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| 020630                                      | Tiếng Anh 4                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| 020631                                      | Tiếng Anh 5                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| 020632                                      | Tiếng Anh 6                                   |   |   |   |  |   | R |   |  |   |   |
| <b>1.4 Toán – Tin học:</b>                  |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| 020029                                      | Toán cao cấp                                  | I |   |   |  | R |   |   |  |   |   |
| 020633                                      | Tin học ứng dụng                              |   | R |   |  |   |   |   |  |   |   |
| <b>II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| <b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>            |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| 020035                                      | Kinh tế vi mô 1                               | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020036                                      | Kinh tế vĩ mô 1                               | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020044                                      | Nguyên lý kế toán                             | R |   |   |  | R |   |   |  |   |   |
| 020326                                      | Nguyên lý marketing                           | I |   |   |  | R |   |   |  | R |   |
| 020038                                      | Quản trị học                                  | I |   |   |  | I |   |   |  |   | R |
| 020368                                      | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 | I |   |   |  | R |   |   |  | M |   |
| 020481                                      | Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng       | I |   |   |  | R |   |   |  |   |   |
| <b>2.2 Kiến thức ngành</b>                  |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| 020634                                      | Nguyên lý thẩm định giá                       |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020658                                      | Tài chính công                                |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020635                                      | Thuế 1                                        |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020636                                      | Thị trường chứng khoán                        |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020637                                      | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm               |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020638                                      | Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020639                                      | Tài chính doanh nghiệp 1                      |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020640                                      | Ngân hàng thương mại                          |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020641                                      | Tài chính quốc tế                             |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| 020642                                      | Kinh tế lượng                                 |   |   | M |  |   |   | M |  | M |   |
| <b>2.3 Kiến thức chuyên ngành</b>           |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |
| <b>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</b> |                                               |   |   |   |  |   |   |   |  |   |   |



|                                                |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|---|
| <i>Học phần bắt buộc</i>                       |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| 020659                                         | Thực hành nghề nghiệp 1                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020660                                         | Thực hành nghề nghiệp 2                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020643                                         | Tài chính doanh nghiệp 2                            |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020644                                         | Quản trị rủi ro tài chính                           |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020645                                         | Phân tích Tài chính doanh nghiệp                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| <i>Học phần tự chọn</i>                        |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| 020646                                         | Mô hình tài chính                                   |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020647                                         | Đầu tư tài chính                                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020648                                         | Thẩm định dự án đầu tư                              |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020649                                         | Hoạch định ngân sách vốn đầu tư                     |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020661                                         | Hợp nhất và sáp nhập                                |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020662                                         | Chiến lược tài chính công ty                        |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| <b>Chuyên ngành: Ngân hàng</b>                 |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| <i>Học phần bắt buộc</i>                       |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| 020663                                         | Thực hành nghề nghiệp 1                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020664                                         | Thực hành nghề nghiệp 2                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020650                                         | Thẩm định tín dụng                                  |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020665                                         | Thanh toán quốc tế qua ngân hàng                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020651                                         | Quản trị ngân hàng                                  |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| <i>Học phần tự chọn</i>                        |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| 020666                                         | Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel            |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020652                                         | Xếp hạng tín dụng                                   |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020653                                         | Ngân hàng đầu tư                                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020667                                         | Ngân hàng trung ương                                |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020654                                         | Kinh doanh ngoại hối                                |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020655                                         | Kế toán ngân hàng                                   |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020668                                         | Ngân hàng quốc tế                                   |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020669                                         | Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020656                                         | Thị trường chứng khoán phái sinh                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| <b>Chuyên ngành: Hải quan - xuất nhập khẩu</b> |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| <i>Học phần bắt buộc</i>                       |                                                     |  |  |  |   |  |  |  |   |   |
| 020670                                         | Thực hành nghề nghiệp 1                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020671                                         | Thực hành nghề nghiệp 2                             |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020672                                         | Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu        |  |  |  | A |  |  |  | A | M |
| 020673                                         | Trị giá hải quan                                    |  |  |  | A |  |  |  | A | M |

|                                                        |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|--|---|---|--|--|--|---|--|---|
| 020849                                                 | Chính sách thuế quan                                               |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| 020850                                                 | Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu                   |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| <i>Học phần tự chọn</i>                                |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020675                                                 | Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ                                        |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| 020676                                                 | Quản trị xuất nhập khẩu                                            |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| 020677                                                 | Kiểm soát hải quan                                                 |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| 020678                                                 | Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu                         |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| <b>2.3 Kiến thức bổ trợ ngành</b>                      |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| <i>Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau</i>             |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020366                                                 | Tài chính hành vi                                                  |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020508                                                 | Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng                           |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020679                                                 | Quản trị rủi ro các định chế tài chính                             |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020680                                                 | Nhập môn chính sách công                                           |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020681                                                 | Thẩm định giá bất động sản 2                                       |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020682                                                 | Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu             |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020296                                                 | Kế toán tài chính 1                                                |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| <i>Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau</i>             |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020683                                                 | Công nghệ tài chính                                                |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020684                                                 | Ngân hàng số                                                       |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020685                                                 | Quản trị tài chính cá nhân                                         |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020686                                                 | Nhập môn an sinh xã hội                                            |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020554                                                 | Kỹ thuật bất động sản                                              |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020601                                                 | Kiểm tra sau thông quan                                            |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| 020297                                                 | Kế toán thuế                                                       |  |  | R |   |  |  |  | R |  | M |
| <b>III. Tốt nghiệp</b>                                 |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| <i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng</i> |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020689                                                 | Khóa luận tốt nghiệp                                               |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| <b>Hoặc</b>                                            |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020690                                                 | Thực tập tốt nghiệp                                                |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| 020687                                                 | Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| <i>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</i>         |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020691                                                 | Khóa luận tốt nghiệp                                               |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |
| <b>Hoặc</b>                                            |                                                                    |  |  |   |   |  |  |  |   |  |   |
| 020692                                                 | Thực tập tốt nghiệp                                                |  |  |   | A |  |  |  | A |  | M |



|        |                             |  |  |  |   |  |  |  |   |  |   |
|--------|-----------------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|--|---|
| 020688 | Thực hành khai báo hải quan |  |  |  | A |  |  |  | A |  | M |
|--------|-----------------------------|--|--|--|---|--|--|--|---|--|---|

**Chú thích:** Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### 13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 13.1 Triết học Mác – Lênin

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước:
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

- Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.

- Sau khi học xong học phần, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của Học phần và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

#### 13.2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin

**Tín chỉ: 2**

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học



kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R)

### 13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

**Tín chỉ: 2**

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập học phần và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

- *Tóm tắt nội dung:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

**Tín chỉ: 2**

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.6 Pháp luật đại cương

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

### 13.7 Tiếng Anh 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC  $\geq 300$

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm ... Sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao, đạt điểm tiếng Anh đầu vào tiệm cận trình độ sơ trung cấp theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR.



Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, các điểm ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.8 Tiếng Anh 2

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1+). Sinh viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao sau khi học xong học phần Tiếng Anh 1, tiệm cận trình độ trung cấp (B1+) theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, các điểm ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thể giới tự nhiên.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6(R)

### 13.9 Tiếng Anh 3

**3 tín chỉ**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng tốt kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ cao trung cấp (B2) vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, bài luận trình bày quan điểm, và giao tiếp tốt trong việc giải quyết các tình huống cũng như thuyết phục các vấn đề. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ, từ vựng ở cấp độ cao trung cấp (B2) qua các chủ đề như văn hóa, phong cách sống, thiên văn và nhận thức của con người...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

#### **13.10 Tiếng Anh 4                      3 tín chỉ**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 3
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ cao trung cấp (B2); vận dụng kiến thức về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như giáo dục, truyền thông, thiết kế, kinh doanh và khoa học cơ bản vào đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn bản dài như bài báo, thư yêu cầu, đề nghị liên quan đến các đề tài đã học, giao tiếp tốt trong những tình huống đa dạng. Bên cạnh đó, sinh viên còn phát triển tốt các kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và vốn từ vựng ở cấp độ cao trung cấp (B2), được sử dụng trong các lĩnh vực đa dạng như giáo dục, truyền thông, thiết kế, kinh doanh và khoa học cơ bản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

#### **13.11 Tiếng Anh 5                      3 tín chỉ**

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 4
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết: đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi thuyết trình trong môi trường công sở, viết các email trao đổi với đối tác trong những tình huống quen thuộc, vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp về các vấn đề như nhận diện thương hiệu, kỹ năng tìm việc, qua đó phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để làm được các bài tập, các tình huống thực tế theo cặp, nhóm nhằm

phát triển tính chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai, hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh trong môi trường kinh doanh ở cấp độ trung cấp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 5 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 3 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở. Học phần cũng giúp người học mở rộng vốn từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc câu thường xuyên sử dụng thông qua các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế như tổ chức, thương hiệu, việc làm, chiến thuật kinh doanh... ở cấp độ trung cấp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

### 13.12 Tiếng Anh 6

3 tín chỉ

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh 5

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; vận dụng kiến thức đã học vào đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi thuyết trình trong môi trường công sở, viết các email trao đổi với đối tác trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để làm được các bài tập, các tình huống thực tế theo cặp, nhóm, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc tương lai, hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh trong môi trường kinh doanh ở cấp độ trung cấp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh 6 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 3 không chuyên ngữ theo học chương trình Chất lượng cao. Học phần cung cấp cho người học kiến thức thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở. Học phần giúp người học củng cố và mở rộng vốn từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc câu thường xuyên sử dụng trong lĩnh vực kinh tế như thương mại điện tử, đàm phán, khởi nghiệp, lãnh đạo, văn hóa doanh nghiệp,... ở cấp độ trung cấp. Bên cạnh đó, người học được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

### 13.13 Toán cao cấp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không



❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

### 13.14 Tin học ứng dụng

**Tín chỉ: 4**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R)

### 13.15 Kinh tế vi mô 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách

thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế vi mô tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.16 Kinh tế vĩ mô 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.17 Nguyên lý kế toán

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.

- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.



▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R)

### 13.18 Nguyên lý marketing

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R)

### 13.19 Quản trị học

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh



các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (I), PLO10 (R)

**13.20 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1      Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(M)

**13.21 Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

- *Tóm tắt nội dung:*

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

**13.22 Nguyên lý thẩm định giá****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về thẩm định giá, về tài sản, các phương pháp thẩm định giá, giá trị và các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản, kiến thức về báo cáo thẩm định giá. Người học được thực hành thành thạo các phép tính toán giá trị tài sản, có kỹ năng đọc hiểu, phân tích báo cáo thẩm định giá cho sẵn. Người học rèn luyện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ham học, cầu tiến tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thẩm định giá tài sản, trên cơ sở đó giúp sinh viên có đủ kiến thức để học tiếp các học phần như thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy thiết bị, thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá tài sản vô hình, quy trình và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản. Người học được thực hành khảo sát thị trường, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản, xây dựng hệ số và vận dụng phương pháp thẩm định giá tài sản bất động sản đơn giản.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

**13.23 Tài chính công****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Giúp người học nhận biết được các khái niệm và vấn đề liên quan tới lĩnh vực tài chính công; Giúp người học nắm vững và tái hiện lại theo ngôn ngữ riêng các quy luật vận động của tài chính công; Giúp người học hệ thống lại kiến thức



của Học phần trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công; và giúp người học có thể đánh giá về tình trạng vận hành của nền tài chính công trong thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan về tài chính công và các phương pháp nghiên cứu, phân tích tài chính công. Các chương trình chi tiêu của Chính phủ được coi là hàng hoá công cũng như các chính sách xử lý vấn đề ngoại tác của nền kinh tế được đưa ra phân tích trên góc độ hiệu quả cũng như công bằng xã hội; thể hiện qua hệ thống những quan điểm và tranh luận về phân phối thu nhập. Nguồn tài trợ chính của Chính phủ là thuế cũng đưa vào khuôn khổ phân tích cân bằng cục bộ và cân bằng tổng thể với nền kinh tế. Học phần khép lại với những phân tích cân đối tài chính công và ý nghĩa của các biện pháp tài trợ thâm hụt.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.24 Thuế 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể trình bày được các kiến thức tổng quan cơ sở lý luận về thuế, quản lý thuế của Nhà nước, nội dung cơ bản Luật của các sắc thuế. Nắm vững kiến thức cơ bản và biết cách nâng cao trình độ chuyên môn về các sắc thuế theo hướng chuyên sâu. Ngoài ra sinh viên còn có thể vận dụng các phương pháp tính của các sắc thuế để làm bài tập, giải quyết các tình huống cũng như ứng dụng vào công việc thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Học phần cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.25 Thị trường chứng khoán

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao dịch được chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Sinh viên còn có thể định giá các loại chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư; phân tích, đánh giá, tư vấn cho doanh nghiệp nên phát hành loại chứng khoán nào, phát hành theo hình thức nào, niêm yết hay không trên thị trường chứng khoán cho phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức thực hiện hoạt động môi giới tại công ty chứng khoán và xử lý các tình huống trong hoạt động môi giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Học phần trình bày, mô tả các loại hàng hoá trên thị



trường chứng khoán; cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; công ty chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán; hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán. Học phần còn giới thiệu, mô tả các phương pháp định giá chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.26 Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu trên thị trường bảo hiểm. Phân tích đánh giá thách thức và cơ hội thị trường bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Vận dụng các kiến thức về các nghiệp vụ bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) trong cuộc sống và công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về bảo hiểm thương mại; Sự cần thiết của bảo hiểm đối với kinh tế xã hội; Các nguyên tắc hoạt động cơ bản bảo hiểm; Các quy định pháp luật liên quan đến bảo hiểm; Hoạt động của thị trường bảo hiểm; Các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu, đặc điểm riêng có của từng nghiệp vụ (tài sản, con người, trách nhiệm).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.27 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho người học các kiến thức về hoạt động của thị trường tài chính nói chung và các phân khúc thị trường cụ thể gồm: thị trường cổ phiếu, thị trường chứng khoán nợ và thị trường chứng khoán phái sinh. Hoạt động và rủi ro của các định chế phi ngân hàng tiêu biểu, gồm: công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ đầu tư, quỹ hưu trí. Giúp người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp: Tính toán và giải quyết được các bài toán đầu tư cơ bản trên các thị trường tài chính. Nhận định các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế. Trên cơ sở tích lũy các kiến thức nền tảng, sinh viên hình thành các kỹ năng về nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế về thị trường tài chính và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, sinh viên phát triển được tư duy phản biện, khả năng tự học, góp phần hình thành đặc thù đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực được đào tạo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp kiến thức về: Cấu trúc vĩ mô, chức năng và nguyên tắc hoạt động của hệ thống tài chính; Cấu trúc vi mô, chức năng, nguyên tắc hoạt động của từng thị trường tài chính cụ thể, gồm: thị trường cổ phiếu, thị trường chứng khoán nợ và thị trường chứng khoán phái sinh; Cấu trúc, nguyên tắc hoạt động và các nghiệp vụ cơ bản trong từng định chế phi tài chính cụ thể, gồm: công ty bảo hiểm, quỹ trợ

cấp hưu trí, công ty tài chính, quỹ đầu tư tương hỗ, công ty cho thuê tài chính; Các loại rủi ro của định chế tài chính: Rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tỷ giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.28 Tài chính doanh nghiệp 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn trong và ngoài nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính doanh nghiệp là một Học phần chuyên ngành cần thiết cho sinh viên theo học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính trong doanh nghiệp

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO9 (M).

### 13.29 Ngân hàng thương mại

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan các hoạt động của ngân hàng thương mại và phân tích được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại hiện đại. Học phần cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc tại ngân hàng như: giao dịch viên, tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với phần mềm mô phỏng core banking tại phòng thực hành để có những trải nghiệm thực tế về môi trường làm việc tại ngân hàng. Bên cạnh đó, Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về các nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn cũng như trung và dài hạn trong các NHTM hiện nay. Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ bản nhằm tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các NHTM. Sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học trong công tác thực tiễn tại các NHTM nói riêng cũng như các định chế tài chính trung gian nói chung.



- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.30 Tài chính quốc tế

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhận biết và giải thích các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế vĩ mô dựa trên các lý thuyết ngang bằng quốc tế, phân tích và dự báo biến động tỷ giá cũng như lựa chọn các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp. Sinh viên sẽ tự tin làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có thể phát huy tư duy sáng tạo và linh hoạt trong việc đưa ra những quyết định tài chính khi thực hiện mua/bán ngoại tệ, phòng ngừa rủi ro tỷ giá cũng như lựa chọn các hình thức kinh doanh ngoại hối phù hợp với tình hình biến động thị trường tài chính quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Tài chính quốc tế là Học phần quan trọng thuộc khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thị trường tài chính quốc tế, hoạt động chu chuyển vốn giữa các quốc gia, thị trường phái sinh tiền tệ với các vấn đề liên quan tới biến động tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, nội dung Học phần cũng giải thích, làm rõ mối tương quan giữa các thị trường và nền kinh tế các quốc gia thông qua những lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Đồng thời các yếu tố tác động tỷ giá, hệ thống tiền tệ quốc tế và các lựa chọn chính sách tỷ giá của Chính phủ trong mối quan hệ với chính sách tiền tệ và hội nhập tài chính, chính sách ngoại thương cũng sẽ được phân tích. Ngoài ra, Học phần cũng chú trọng thực hành thảo luận, phân tích và xử lý tình huống liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế; quản trị rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại hay đầu tư quốc tế; cũng như các giải pháp ứng phó với các vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)

### 13.31 Kinh tế lượng

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO9(M)



**Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp****13.32 Thực hành nghề nghiệp 1****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến doanh nghiệp/ ngân hàng/ bảo hiểm/ chứng khoán hoặc các đơn vị khác có có hoạt động liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.33 Thực hành nghề nghiệp 2****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng: Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới... liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như



vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.34 Tài chính doanh nghiệp 2

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp có thể ra các quyết định: chọn lựa phương án đầu tư TSCĐ; phương án sử dụng nợ; xác định được mức gia tăng giá trị doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện chính sách ổn định cổ tức, chính sách thặng dư cổ tức, hoặc cơ cấu vốn của doanh nghiệp; ngoài ra, sinh viên còn có thể tiến hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn hay kế hoạch tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:* Tài chính Doanh nghiệp 2 là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như Tài chính Doanh nghiệp 1, Toán Tài chính, Phân tích Tài chính doanh nghiệp. Nội dung Học phần sẽ khái quát các khái niệm, thuật ngữ, và các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu, đánh giá hiệu quả việc ra quyết định tài chính: đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính, chính sách chi trả cổ tức, cơ cấu vốn mục tiêu, phân tích và lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.35 Quản trị rủi ro tài chính

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính quốc tế, Tài chính doanh nghiệp 1

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên học xong Học phần có khả năng: Hiểu được các kiến thức nền tảng về quản trị rủi ro tài chính; Nhận diện và kiểm soát được các loại rủi ro tài chính trong doanh nghiệp và ngân hàng; Tuân thủ các quy định về rủi ro của pháp luật trong thực hành công việc.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị rủi ro tài chính được thiết kế là Học phần chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng. Học phần này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Cụ thể, Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về: nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý rủi ro biến động giá cả, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các thủ thuật quản trị rủi ro do sử dụng nợ, rủi ro trong đầu tư, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản đối với doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.36 Phân tích Tài chính doanh nghiệp****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên sẽ: Nắm được mục tiêu, nội dung và các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; Hiểu được kết cấu, nội dung và mối liên hệ giữa các báo cáo tài chính; Phân tích được tình hình huy động vốn và sử dụng vốn; Phân tích được tình hình biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích được khả năng thanh toán; Phân tích được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng; Phân tích được hiệu quả sử dụng tài sản và vốn; Phân tích được tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng tạo tiền; Phân tích được rủi ro đối với doanh nghiệp; Dự báo được tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Môn Phân tích tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phân tích tài chính và các điều kiện để ra quyết định sau phân tích tài chính. Nội dung chính của Học phần tập trung giới thiệu các kiến thức và kỹ năng, phương pháp phân tích tài chính trên giác độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Học phần cũng cung cấp hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Từ các kết quả phân tích tài chính, trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, Học phần cũng hướng dẫn cách thức đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.37a Mô hình tài chính****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp, có khả năng lập được các mô hình ứng dụng trong quản trị tài chính doanh nghiệp như quản trị tài sản, lựa chọn và hỗ trợ ra quyết định đầu tư, vay và trả nợ vay trung và dài hạn, các mô hình định giá chứng khoán, xây dựng danh mục đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư, lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này trang bị những kiến thức ứng dụng phần mềm bảng tính Excel phục vụ công việc quản lý tài chính. Người học biết sử dụng Excel giải các bài toán tài chính, xây dựng các mô hình phục vụ cho công tác quản trị tài chính như điểm hòa vốn, quản lý rủi ro tài chính, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu, xây dựng và thẩm định dự án đầu tư, quản trị tài sản, xây dựng mô hình vay và trả nợ vay, các mô hình định giá chứng khoán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)



**13.37b Đầu tư tài chính****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư tài chính.
  - *Tóm tắt nội dung:* Đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng; trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, Học phần còn giúp người học biết định giá, phân tích cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh, biết xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và đánh giá, quản lý danh mục đầu tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(R), PLO10(M)

**13.38a Thẩm định dự án đầu tư****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
  - *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được tổng quan về dự án đầu tư, các cách phân loại trong dự án, các bước trong quy trình thiết lập và thẩm định dự án, vai trò và sự cần thiết của việc thẩm định dự án; nắm bắt được khung tài chính dự án, các nội dung tác động đến dòng tiền, có thể xây dựng chi phí và thiết lập dòng tiền của dự án; nắm bắt các quan điểm trong thẩm định dòng tiền dự án. Sinh viên nắm rõ và vận dụng được các chỉ tiêu trong thẩm định dự án. Sinh viên nắm bắt được tác động của lạm phát lên dự án và cách thức đánh giá một dự án khi có tác động của lạm phát. Sinh viên vận dụng được các phương pháp sử dụng trong đánh giá và phân tích rủi ro của dự án.
  - *Tóm tắt nội dung:* Thẩm định dự án đầu tư là học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như tài chính doanh nghiệp, hoạch định ngân sách vốn đầu tư... Môn Thẩm định dự án đầu tư bao gồm những kiến thức cơ bản, những vấn đề lý luận chung về dự án đầu tư; các nội dung cần nghiên cứu xác định dòng tiền, các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn dự án, tác động của lạm phát đến dự án và xem xét phân tích các rủi ro đối với dự án đầu tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.38b Hoạch định ngân sách vốn đầu tư****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp hiểu được tại sao hoạch định ngân sách vốn lại rất quan trọng đối với 1 doanh nghiệp, hiểu được các nguyên tắc hoạch định ngân sách vốn, thực hiện được quy trình hoạch định ngân sách vốn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Hoạch định ngân sách vốn đầu tư là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạch định ngân sách vốn, xây dựng dòng tiền của dự án, thẩm định dự án dựa trên các chỉ tiêu đánh giá dự án, tính chi phí sử dụng vốn trong điều kiện không thay đổi cơ cấu tài chính của doanh nghiệp và khi có đầu tư mới cơ cấu các nguồn vốn có thể thay đổi, hoạch định ngân sách vốn đầu tư trong điều kiện vốn đầu tư bị giới hạn và không bị giới hạn, phân tích rủi ro dự án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.39a Hợp nhất và sáp nhập

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức liên quan đến quá trình M&A và các giai đoạn quan trọng của nó; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng định giá các giao dịch M&A, các chiến thuật mua lại và chống mua lại, tìm kiếm nguồn tài trợ giao dịch. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

▪ *Tóm tắt nội dung:* Hợp nhất và sáp nhập là học phần thuộc chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Như chúng ta đã biết để thực hiện chiến lược kinh doanh, các công ty có nhiều công cụ triển khai như đầu tư vào tài sản thực, đầu tư tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Một trong những công cụ như vậy là Mua bán và sáp nhập (M&A). Thông qua M&A, một doanh nghiệp có thể gia tăng tốc độ tăng trưởng và tiếp cận thị trường, tận dụng các cơ hội từ môi trường bên ngoài. Tuy vậy, M&A cũng đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến lựa chọn mục tiêu phù hợp, định giá, thẩm định chi tiết, đàm phán và thương lượng, tìm nguồn tài trợ phù hợp... và quan trọng hơn cả là hội nhập sau sáp nhập. Việc hiểu rõ quá trình M&A, những giai đoạn quan trọng của quá trình này, cũng như nắm vững kỹ thuật định giá, các chiến thuật mua lại và chống mua lại sẽ làm gia tăng xác suất thành công của một giao dịch M&A. Học phần này cố gắng hỗ trợ người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết nêu trên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.39b Chiến lược tài chính công ty

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Nhận diện được các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp căn cứ vào mức độ minh bạch thông tin và tình hình dòng tiền của doanh nghiệp. Đánh giá được rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính gắn với các quyết định đầu tư



và tài trợ của doanh nghiệp trong từng giai đoạn của chu kỳ sống của doanh nghiệp. Đưa ra được các chiến lược đầu tư, tài trợ và phân phối lợi nhuận cho từng giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này trang bị các kiến thức giúp người học hiểu được chu kỳ sống của một doanh nghiệp và phân tích được dấu hiệu để nhận biết các giai đoạn trong chu kỳ sống của một doanh nghiệp, các rủi ro gắn với quyết định tài chính ứng với từng chu kỳ sống của doanh nghiệp. Học phần đồng thời cung cấp các nguyên tắc cơ bản của việc hoạch định chiến lược tài chính và nội dung hoạch định chiến lược tài chính ứng với từng giai đoạn trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### ***Chuyên ngành: Ngân hàng***

#### **13.32 Thực hành nghề nghiệp 1**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến doanh nghiệp/ ngân hàng/ bảo hiểm/ chứng khoán hoặc các đơn vị khác có có hoạt động liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

#### **13.33 Thực hành nghề nghiệp 2**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng: Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới,...liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến Ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.34 Thẩm định tín dụng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hành các nội dung và kỹ thuật phân tích tín dụng trong thực tiễn tại các ngân hàng thương mại. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng các kỹ thuật thẩm định năng lực hành vi pháp lý, năng lực tài chính đối với khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp. Từ đó áp dụng vào việc thực hiện hoàn thiện tờ trình thẩm định tín dụng cho khách hàng của ngân hàng. Đặc biệt, sinh viên còn được trang bị các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán – tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát các bộ phận cấu thành và đặc điểm của thị trường ngân hàng – lĩnh vực tín dụng. Vận dụng các kiến thức được cung cấp tính toán lãi suất vay vốn, hạn mức tín dụng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực hành vi pháp lý của khách hàng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực tài chính của khách hàng. Thẩm định tính khả thi về khả năng vay vốn của phương án/ dự án sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thực hành việc xếp hạng tín dụng cụ thể cho khách hàng trong ngân hàng. Hiểu và phân tích được các rủi ro mà ngân hàng gặp phải khi đồng ý cấp tín dụng cho khách hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

### 13.35 Thanh toán quốc tế qua ngân hàng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng, xem xét bộ chứng từ theo nội dung, số loại, tính chất khác nhau tùy theo nhu cầu giao dịch



quốc tế của khách hàng và đặc thù của từng phương thức thanh toán. Học phần Thanh toán quốc tế qua ngân hàng nhằm đào tạo cho sinh viên có thể trở thành các thanh toán viên của các phòng Thanh toán quốc tế tại các Ngân hàng thương mại. Ngoài ra, người học có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến thanh toán xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Thanh toán quốc tế qua ngân hàng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết về chứng từ giao dịch, tập quán thương mại quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến hiện nay như: Phương thức chuyển tiền, Phương thức thanh toán nhờ thu, Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, Thanh toán biên mậu, Thanh toán phi mậu dịch, Open account, CAD. Học phần giúp sinh viên biết khái quát về nghiệp vụ ngân hàng đại lý, phân loại được bộ chứng từ tài chính, chứng từ thương mại và những rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế. Nội dung mỗi chương sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt các phương thức thanh toán quốc tế và cách thức xét duyệt tính hợp lệ của bộ chứng từ giao dịch theo từng phương thức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.36 Quản trị ngân hàng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có những kiến thức liên quan đến quản trị hoạt động của một ngân hàng thương mại. Cụ thể, sinh viên hiểu và nắm bắt được các kỹ thuật quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực như quản trị vốn, nợ, tài sản, thanh khoản, tín dụng, đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên sẽ phát triển được kỹ năng nhận biết và phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Đặc biệt sử dụng các kỹ thuật tiên tiến về quản trị ngân hàng của các nước phát triển vào thực tế hệ thống ngân hàng Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan hoạt động của ngân hàng hiện đại, các xu hướng tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như các mô hình tổ chức quản trị hoạt động trong hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó học phần cũng sẽ trình bày nội dung các phương pháp quản trị trong hoạt động huy động vốn, quản trị vốn tự có và sự an toàn vốn, quản trị thanh khoản, quản trị hoạt động tín dụng, quản trị hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro lãi suất.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.37a Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích, đo lường và kiểm soát được các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những xkiedenis thức để biết và

tuân thủ các quy định về quản lý rủi ro của pháp luật và ngân hàng thương mại trong thực hành công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các nội dung về quản trị rủi ro như nhận biết, đo lường, giám sát và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Bên cạnh những kỹ thuật mà ngân hàng thương mại sử dụng để đánh giá, cũng như những công cụ đo lường rủi ro mà học phần Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel đề cập đến, học phần cũng sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro theo các qui định và tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel, đặc biệt là các khuôn khổ áp dụng đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.37b Xếp hạng tín dụng

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ xếp hạng tín dụng: các kiến thức cơ bản về lịch sử của hoạt động xếp hạng tín dụng trên thế giới. Từ đó, sinh viên hiểu và phân tích được quá trình phát triển hoạt động xếp hạng tín dụng, tiến trình thực hiện xếp hạng tín dụng trong ngân hàng tại Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xếp hạng tín dụng trên thế giới và có thể thực hiện xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán – tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp. Sinh viên phải có khả năng phân biệt được các hồ sơ thực – hồ sơ giả mạo; biết cách lấy thông tin từ bên thứ 3 và các bên liên quan đến khách hàng để gia tăng sự chính xác của biên bản xếp hạng tín dụng, từ đó giảm thiểu rủi ro trong việc cấp tín dụng tại ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.37c Ngân hàng đầu tư

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Mục tiêu của học phần là giúp người học trang bị kiến thức nền tảng về ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Qua đó có thể tham gia làm việc tại các vị trí liên quan đến các nghiệp vụ tại các ngân hàng đầu tư như: các nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý tài sản, nghiệp vụ ngân hàng bán buôn, nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp, nghiệp vụ môi giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Ngân hàng đầu tư là học phần có nội dung về nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Nội dung chính của học phần là giới thiệu tổng quan về ngân hàng đầu tư và đi sâu vào các nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Các nghiệp vụ được trang bị cho sinh



viên bao gồm: nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý tài sản, nghiệp vụ ngân hàng bán buôn, nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp, nghiệp vụ môi giới.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.38a Ngân hàng trung ương

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên khi làm việc tại Ngân hàng Trung ương có thể áp dụng kiến thức để thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương; tham gia vào xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và thanh tra giám sát hoạt động ngân hàng nhằm thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ và ổn định hoạt động hệ thống ngân hàng. Khi làm việc tại ngân hàng thương mại, sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thực hiện các hoạt động của ngân hàng thương mại để đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng Trung ương bám sát các qui định của Ngân hàng Trung ương.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Ngân hàng trung ương là học phần chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo ngành ngân hàng; có liên quan đến các học phần Tiền tệ, thị trường tài chính ngân hàng, Ngân hàng thương mại. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những lý luận cơ bản về Ngân hàng Trung ương; hoạt động điều hành chính sách tiền tệ của NHTW cũng như các nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.38b Kinh doanh ngoại hối

**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hiện các nghiệp vụ: ngân hàng cung cấp các dịch vụ mua/bán hộ ngoại tệ cho các khách hàng xuất nhập khẩu, ngân hàng tự kinh doanh thu lợi nhuận. Khi làm việc tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ tại doanh nghiệp: đưa ra những quyết định tài chính đúng khi thực hiện mua/bán ngoại tệ; thực hiện vay/gửi ngoại tệ cũng như phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lựa chọn đồng tiền thanh toán trong các giao dịch ngoại thương.

- *Tóm tắt nội dung:* Kinh doanh ngoại hối là học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động, các khái niệm, thuật ngữ, thông lệ giao dịch được sử dụng trên thị trường ngoại hối. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, thông lệ giao dịch và ứng dụng các giao dịch kinh doanh ngoại hối vào thực tế bao gồm các giao dịch ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.38c. Kế toán ngân hàng****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán, môi trường pháp lý và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; So sánh được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong ngân hàng; Kiểm tra được quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về xử lý các nghiệp vụ phát sinh phổ biến tại các Ngân hàng thương mại như: thu, chi tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán quốc tế và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

**13.39a Ngân hàng quốc tế****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng quốc tế: Kinh doanh ngoại hối; Chuyển tiền quốc tế; Xuất khẩu và nhập khẩu ngoại tệ; Tín dụng quốc tế và đầu tư quốc tế; Nghiệp vụ ngân hàng đại lý; Tư vấn tài chính quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của các định chế ngân hàng quốc tế với vai trò trụ cột trong việc thanh toán thương mại toàn cầu cùng các chu chuyển vốn quốc tế. Các chủ đề có liên quan khác như thị trường ngoại hối liên ngân hàng quốc tế, các công cụ phái sinh sử dụng trong quản trị rủi ro ngân hàng quốc tế, phân tích rủi ro quốc gia trong hoạt động ngân hàng quốc tế cũng sẽ được giới thiệu trong học phần này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.39b Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Thị trường chứng khoán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Mục tiêu của học phần là giúp người học trang bị kiến thức nền tảng về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính. Người học có kỹ năng tính được các chỉ tiêu đo lường lợi nhuận, rủi ro của từng chứng khoán, danh mục. Có kỹ năng phân tích kinh tế vĩ mô, nắm vững đặc điểm các ngành kinh tế, phân tích và lựa chọn cổ phiếu, trái phiếu. Có kỹ năng định điểm thị trường.



▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán ở các định chế tài chính. Bên cạnh việc trang bị cho người học những kiến thức về thước đo lợi nhuận, phân bổ danh mục và quản trị rủi ro, học phần đi sâu vào phân tích vĩ mô, phân tích ngành công nghiệp, phân tích công ty và lựa chọn cổ phiếu, phân tích kỹ thuật để định điểm thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.39c Thị trường chứng khoán phái sinh

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Thị trường chứng khoán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu và phân tích được tổng quan về thị trường chứng khoán phái sinh trên thế giới nói chung và thị trường chứng khoán phái sinh của Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức của học phần để tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh hoặc làm việc tại các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần khái quát về thị trường chứng khoán phái sinh và một số công cụ phái sinh căn bản. Học phần tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, kỹ thuật giao dịch, phương pháp định giá và ứng dụng của các hợp đồng chứng khoán phái sinh vào thực tiễn. Ngoài ra, các phương pháp kết hợp những công cụ phái sinh đơn lẻ tạo thành chiến lược phòng ngừa rủi ro hoặc kinh doanh kiếm lợi nhuận cũng được đề cập trong học phần.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### *Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu*

### 13.32 Thực hành nghề nghiệp 1

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này giúp sinh viên trải nghiệm thực tế, có được sự chuẩn bị cho việc bắt đầu một nghề nghiệp trong tương lai. Mục tiêu của thực hành nghề nghiệp là tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc với thực tế, rèn luyện khả năng tư duy thích ứng với công việc trong môi trường thực tế. Sinh viên sẽ hình thành tác phong, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 1 chú trọng các nội dung sau đây: Tìm hiểu chung về đơn vị; Quan sát, theo dõi và mô tả hoạt động của đơn vị; So sánh sự vận hành của một đơn vị trên thực tế với kiến thức đã học; Định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO (A), PLO10(M)

### 13.33 Thực hành nghề nghiệp 2

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Thủ tục hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Thực hành nghề nghiệp 2 là quá trình trải nghiệm với thực tế để sinh viên sau khi đã học một phần kiến thức chuyên ngành và sẽ thực hiện kiểm chứng trong môi trường thực tế. Mục tiêu của học phần thực hành nghề nghiệp 2 là tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc với thực tế, rèn luyện khả năng tư duy thích ứng với công việc trong môi trường thực tế. Sinh viên sẽ hình thành tác phong, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần thực hành nghề nghiệp 2 tập trung vào các nội dung sau đây: Quan sát, mô tả các nghiệp vụ/công tác chuyên môn ở bộ phận mình đang thực hành; Mô phỏng quá trình, quy trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn đó; Tìm hiểu điều kiện cần và đủ về kiến thức, kỹ năng, thái độ khi thực hiện công tác/ng nghiệp vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị; So sánh với kiến thức đã học, rút ra những điều cần bổ sung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.34 Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ phân loại hàng hóa. Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, cách áp mã hàng hóa theo hệ thống hài hòa (HS), các quy tắc phân loại hàng hóa của tổ chức Hải quan thế giới, phương pháp phân loại hàng hóa theo Danh mục và Biểu thuế XNK của Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về xuất xứ hàng hóa. Giới thiệu các khái niệm, vai trò của xuất xứ, các quy tắc xuất xứ không ưu đãi theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy tắc xuất xứ theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập, Quy tắc xuất xứ của các hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên làm nền tảng ban đầu cho việc nghiên cứu và học tập các môn học chuyên ngành.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần bao gồm: Giới thiệu tổng quan về công ước HS, giới thiệu nội dung các qui tắc chung giải thích việc phân loại hàng hóa, Nội dung qui định việc phân loại hàng hóa theo danh mục và biểu thuế xuất nhập khẩu Việt Nam; Giới thiệu kiến thức chung về xuất xứ hàng hóa, quy tắc xuất xứ hàng hóa không ưu đãi, quy tắc xuất xứ hàng hóa ưu đãi trong các FTA mà Việt Nam là thành viên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.35 Trị giá hải quan

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên nguyên tắc và các phương pháp xác định trị giá tính thuế cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo qui định



pháp lý; Qui định về quản lý giá tính thuế của cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần gồm 7 chương: Nội dung bao gồm các nguyên tắc xác định giá tính thuế cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung 6 phương pháp xác định trị giá tính thuế cho hàng hóa nhập khẩu theo qui định hiệp định trị giá GATT và các qui định pháp lý của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.36 Chính sách thuế quan

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu, Trị giá hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam hiện hành.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần bao gồm các nội dung: Tổng quan về thuế và các khoản thu khác trong ngành hải quan; Kiến thức về thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế thu nhập đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu như khái niệm, vai trò, những đối tượng phải chịu thuế, đối tượng được miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### 13.37 Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Chính sách thuế quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có được kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về thủ tục hải quan. Các kiến thức về nguyên tắc khai báo hải quan, trách nhiệm người khai báo hải quan, cũng như các cách thức khai hải quan khác nhau như: khai hải quan bằng giấy và khai hải điện tử cho các loại hình xuất nhập khẩu. Học phần cũng như trang bị cho sinh viên nắm vững quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, sản xuất xuất khẩu, tạm nhập – tái xuất, xuất nhập khẩu tại chỗ và các loại hình khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần bao gồm 5 chương cung cấp kiến thức cho sinh viên về quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; Những kiến thức chuyên sâu về thủ tục hải quan. Các kiến thức về nguyên tắc khai báo hải quan, trách nhiệm người khai báo hải quan, cũng như các cách thức khai hải quan khác nhau như: khai hải quan bằng giấy và khai hải điện tử cho các loại hình xuất nhập khẩu. Học phần cũng như trang bị cho sinh viên nắm vững quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, sản xuất xuất khẩu, tạm nhập – tái xuất, xuất nhập khẩu tại chỗ và các loại hình khác.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.38a Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên một cách khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, cách thức xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực xuất nhập khẩu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* học phần này bao gồm: lý luận chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Khái niệm về các quyền sở hữu trí tuệ, cơ sở pháp lý quốc tế qui định về quyền sở hữu trí tuệ, nội dung bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan, xử lý vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.38b Quản trị xuất nhập khẩu****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên các phương thức giao dịch chủ yếu trong thương mại quốc tế; Các điều kiện thương mại quốc tế; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Các phương thức đàm phán được sử dụng chủ yếu trong đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức trên để: Phân tích, soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Phân tích, giải thích, hoạch định cũng như dự báo các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán cũng như tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị xuất nhập khẩu liên quan với các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo, cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về xuất nhập khẩu, bao gồm: Các phương thức giao dịch chủ yếu trong thương mại quốc tế; Các điều kiện thương mại quốc tế; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Các kiến thức cơ bản về đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

**13.39a Kiểm soát hải quan****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát hải quan trong phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần bao gồm 05 chương; giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát Hải quan. Học phần giúp sinh viên tiếp cận, hiểu nghiệp vụ



kiểm soát của cơ quan Hải quan với những biện pháp nghiệp vụ đặt thù trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

### **13.39b Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung khái quát nhất, những vấn đề căn bản nhất trong chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu ở Việt Nam và một số thông lệ quốc tế qui định về hàng rào kỹ thuật hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thông thoáng cho thương mại quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần bao gồm 05 chương giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam; các nguyên tắc quản lý hàng hóa thuộc những danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép hoặc quản lý chuyên ngành; Các thông lệ quốc tế liên quan đến việc thiết lập một hàng rào phi thuế quan để quản lý hàng xuất nhập khẩu tại các nước thành viên. Học phần giúp sinh viên nắm vững và hiểu rõ chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam; hiểu về các qui định quốc tế liên quan đến hệ thống hàng rào phi thuế quan. Kiến thức học phần sẽ tạo nền tảng để sinh viên nhận thức và có kỹ năng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chính sách quản lý hàng hóa qua biên giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A), PLO8(A), PLO10(M)

#### ***Kiến thức bổ trợ ngành:***

*Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau*

### **13.40a Tài chính hành vi**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Tài chính hành vi là học phần quan trọng của ngành Tài chính - Ngân hàng. Nội dung Học phần khái quát được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi để giúp sinh viên có thể ứng dụng tâm lý học vào việc giải thích các hành vi tài chính của nhà đầu tư và phân tích các lệch lạc trong quyết định của nhà đầu tư, phân tích tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tài chính chuẩn tắc, phân tích các hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng và thị trường hiệu quả giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi. Thêm vào đó, sinh viên sẽ được đọc hiểu và trao đổi, thảo luận nhiều bài nghiên cứu đã công bố ở trong nước và ngoài nước về lĩnh vực tài chính hành vi, giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học và phát triển khả năng nghiên cứu về lĩnh vực tài chính hành vi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO (M)

**13.40b Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng các chỉ số định tính và định lượng được sử dụng rộng rãi trong việc đánh giá hoạt động ngân hàng; sử dụng hiệu quả các báo cáo tài chính trong quá trình phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh ngân hàng; sử dụng các công cụ phân tích các báo cáo tài chính nhằm đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhất đối với từng lĩnh vực hoạt động của ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và kiến thức sâu rộng hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng: phân tích chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ trọng yếu của ngân hàng; các báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh của ngân hàng; phân tích tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng; phân tích rủi ro trong hoạt động kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.40c Quản trị rủi ro các định chế tài chính****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 và Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các định chế tài chính có thể thực hiện các nghiệp vụ: quản trị rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro hối đoái, quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro tín dụng, quản trị chất lượng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Quản trị rủi ro các định chế tài chính là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức chung về các định chế tài chính trung gian, rủi ro và quản trị rủi ro trong các định chế tài chính trung gian như ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty chứng khoán....

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.40d Nhập môn chính sách công****Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các chính sách công, nhằm giúp sinh viên có khả năng và kỹ năng đánh giá, phân tích các chính sách công một cách đa chiều. học phần còn góp phần trang bị thêm cho sinh viên tư duy phân tích và ra quyết định thông qua việc phát hiện và giải quyết vấn đề chung của xã hội.



▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách công, Chính sách công trong nền kinh tế thị trường, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

#### 13.40e Thẩm định giá bất động sản 2

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này cung cấp cho người học kiến thức thẩm định giá một số loại hình bất động sản cụ thể (BDS cư trú, đất đai, cao ốc văn phòng, BDS nông nghiệp). Rèn luyện cho người học kỹ năng: phân tích đặc điểm của tài sản, thị trường tài sản để lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp. Người học thực hành thành thạo công tác thẩm định giá bất động sản. Học phần này hướng tới đào tạo người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thẩm định giá, thúc đẩy tính ham học, cầu tiến tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cá nhân người học.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần thẩm định giá bất động sản 2 là học phần tiếp theo của thẩm định giá bất động sản 1. Trong học phần này, sinh viên được trang bị sâu hơn các kiến thức thực tế về bất động sản và khả năng phân tích, vận dụng các phương pháp thẩm định giá để ước tính giá trị một số loại hình bất động cụ thể gồm: BDS cư trú, đất đai, cao ốc văn phòng, BDS nông nghiệp. Học phần gồm các nội dung chính (1) Kiến thức lý thuyết về từng loại hình bất động sản cụ thể và các yếu tố cần lưu ý khi ước tính giá trị của loại hình bất động sản đó, (2) Các phương pháp thẩm định giá đối với từng loại hình bất động sản, (3) Báo cáo chuyên đề thẩm định giá đối với một số loại hình bất động sản cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

#### 13.40f Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn đối với hoạt động giao nhận và vận tải đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hiểu rõ các hình thức giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về giao nhận và vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với giao nhận và vận tải đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường biển, đường hàng không thông qua tìm hiểu đặc điểm của các loại hình vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về gom hàng và xếp dỡ hàng từ container trong dịch vụ giao nhận quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (R), PLO7 (R), PLO9 (M)

**13.40g Kế toán tài chính 1****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán và môi trường pháp lý trong lĩnh vực kế toán tài chính. Phân biệt được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán tài chính. Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong doanh nghiệp. Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Đề xuất quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp kế toán (trình tự thủ tục xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính) của các đối tượng: vốn bằng tiền, nợ phải thu và tạm ứng; hàng tồn kho; tài sản cố định và bất động sản đầu tư; nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

*Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau*

**13.41a Công nghệ tài chính****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần này giúp cho học viên hiểu được những nội dung cơ bản trong lĩnh vực tài chính công nghệ (blockchains, cryptocurrency, smart contracts, peer-to-peer lending, crowdfunding...). Từ đó giúp cho người học vận dụng được các sản phẩm của tài chính công nghệ vào thực tế doanh nghiệp trong cách mạng công nghệ 4.0. Ngoài ra, người học cũng có khả năng phân tích ảnh hưởng của tài chính công nghệ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính công nghệ là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Cách mạng công nghệ 4.0 và công nghệ blockchains mang lại nhiều dịch vụ tài chính hiện đại, sử dụng công nghệ nhằm tối ưu giá trị cho doanh nghiệp và khách hàng. Tài chính công nghệ ngày càng phổ biến và dần thay thế mô hình tài chính truyền thống. Môn Tài chính công nghệ bao gồm các kiến thức cơ bản về xu hướng tài chính công nghệ, những sản phẩm chính của tài chính công nghệ và cách thức các doanh nghiệp áp dụng sản phẩm tài chính công nghệ để nâng cao hiệu quả tài chính.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.41b Ngân hàng số****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại



❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong Học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản của ngân hàng số như dữ liệu lớn (big data), chuỗi khối (blockchain), vạn vật kết nối internet (internet of things) và các chiến lược ngân hàng số; Hiểu được nguyên nhân dẫn đến xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng, cơ hội và thách thức đối với các thành phần tham gia cung cấp dịch vụ ngân hàng; Hiểu được nguyên nhân, thực trạng và xu hướng của ngân hàng số tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới; Hiểu được các thành phần tham gia vào quy trình số hóa các hoạt động ngân hàng, thách thức và cơ hội của từng đối tượng cũng như các yếu tố cần thiết để thành công và rào cản tham gia thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Ngân hàng số là xu hướng tất yếu và nằm trong mục tiêu chiến lược của hầu hết các ngân hàng trong kỷ nguyên số. Ba nguyên nhân chính của xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng là (1) sự gia tăng số lượng khách hàng sử dụng các thiết bị di động để thực hiện các dịch vụ ngân hàng; (2) nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong việc trải nghiệm các dịch vụ tài chính thông suốt, tiện lợi và chi phí thấp; (3) sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fintech) với các ưu thế về giá, mức độ tiện lợi. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về (1) nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng số và sự cần thiết của việc số hóa các hoạt động ngân hàng; (2) các công nghệ số mà ngân hàng đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai; (3) thực tế áp dụng công nghệ số tại các ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.41c Quản trị tài chính cá nhân**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu rõ các kiến thức về tài chính cá nhân liên quan đến tiết kiệm, vay, đầu tư và quản lý rủi ro. Đánh giá các hình thức lựa chọn trong đầu tư cá nhân. Ứng dụng được các lý thuyết, và các mô hình tài chính trong phân tích và ra các quyết định liên quan đến quản lý tài chính cá nhân. Đánh giá hiệu quả các khoản tài chính cá nhân.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này là Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức và công cụ giúp người học có khả năng hoạch định tài chính; phát triển một kế hoạch tài chính; lựa chọn và ra các quyết định tài chính liên quan đến chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư và quản lý rủi ro. Từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính, cũng như phát triển cơ hội nghề nghiệp trở thành một nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp trong các định chế tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**13.41d Nhập môn an sinh xã hội**

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần, người học có được những kiến thức căn bản về an sinh xã hội và chính sách của Chính phủ nhằm đảm bảo an sinh xã hội như là một trụ cột của tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần nhập môn an sinh xã hội cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống hệ thống an sinh xã hội, chính sách an sinh xã hội và các và chương trình an sinh xã hội do nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân (i) có được mức tối thiểu về thu nhập, (ii) có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Các chính sách an sinh xã hội được chia thành (i) chính sách nhằm nâng cao năng lực tự an sinh của người dân; và (ii) sự trợ giúp của Nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

#### 13.41e Kỹ thuật bất động sản

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Mục tiêu chung của học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về xây dựng, về kỹ thuật xây dựng công trình, về dự toán, tiên lượng khối lượng công trình xây dựng dân dụng và hệ thống pháp lý có liên quan. Người học sau khi học xong sẽ có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin, có kỹ năng cần thiết để thực hành phân loại cấu tạo công trình xây dựng, phân loại bản vẽ, đọc bản vẽ và xác định khối lượng công trình xây dựng, đi kèm với những quy định về xây dựng và pháp lý có liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng công trình. Người học có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân, thể hiện năng lực tự học, có ý thức tích cực học tập, rèn luyện, ham học hỏi mở rộng ứng dụng kiến thức, có năng lực giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ tính toán khối lượng từng chi tiết trong công trình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kỹ thuật bất động sản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng, các thông tin về mặt kỹ thuật xây dựng, pháp lý xây dựng có liên quan để phục vụ trong công việc thẩm định giá bất động sản, quản lý và kinh doanh bất động sản. Cụ thể là các khái niệm thường dùng trong xây dựng, các quy trình thực hiện xây dựng một công trình xây dựng cụ thể đi kèm với pháp lý và quy hoạch. Cấu tạo cơ bản của nhà dân dụng giúp sinh viên hình dung rõ hơn, kết hợp với bản vẽ xây dựng, sinh viên có nền tảng kiến thức tốt cho việc đọc bản vẽ. Ngoài ra sinh viên còn được hiểu thêm về bản vẽ xây dựng dân dụng, một số ký hiệu thường dùng. Cuối cùng sinh viên sẽ có khả năng xác định khối lượng công trình xây dựng dân dụng cơ bản thông qua chi tiết từng công tác xây dựng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

#### 13.41f Kiểm tra sau thông quan

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:



▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi kết thúc học phần, người học có được những nội dung khái quát nhất, những vấn đề căn bản nhất trong việc thực hiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thông thoáng cho thương mại quốc tế. Giúp sinh viên nắm vững một số phương pháp và kỹ thuật kiểm tra sau thông quan.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về kiểm toán/kiểm tra sau thông quan. Các thông lệ quốc tế có liên quan đến kiểm tra sau thông quan, các qui trình kiểm toán/kiểm tra sau thông quan tại một số quốc gia. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam thông qua nền tảng hoạt động kiểm toán tuân thủ các qui định về Hải quan đối với các đối tượng có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Các kỹ thuật thu thập, phân tích, xử lý và quản lý thông tin nhằm hạn chế tối đa các hoạt động gian lận thương mại của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng cho thương mại quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

### 13.41g Kế toán thuế

**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những nội dung cơ bản về thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Vận dụng nguyên tắc kế toán và luật thuế để lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Phân tích được sự khác biệt giữa kế toán theo chuẩn mực và kế toán thuế của các loại thuế sau: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Đánh giá được những điểm cơ bản về nguyên tắc lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, Thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Thực hiện các phương pháp và kỹ thuật theo luật kế toán và theo chuẩn mực để lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác và kê khai thuế theo giả định.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về ứng dụng các chính sách thuế để xử lý nghiệp vụ kế toán có liên quan, đồng thời phân biệt được thông tin trình bày trên báo cáo thuế với thông tin trình bày trên báo cáo tài chính; thực hành kê khai thuế trên phần mềm kê khai thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(M)

**Tốt nghiệp: 6 tín chỉ**

**Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng**

**13.42a Khóa luận tốt nghiệp****Tín chỉ: 6**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:* sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính– ngân hàng. Hoạt động thực tập được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến Ngành Tài chính – Ngân hàng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO10(M)

**13.42b1 Thực tập cuối khóa****Tín chỉ: 3**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.

- ❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 2

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên vận dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nghiệp vụ tài chính ngân hàng. Sinh viên có thể phân tích ưu điểm, hạn chế của các quy trình, nghiệp vụ trong quá trình vận hành hoạt động của đơn vị, rút ra bài học kinh nghiệm đúc kết cho bản thân sau khi thực hành.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Sinh viên đi thực tập tại một đơn vị là doanh nghiệp, ngân hàng, định chế tài chính phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ...Sinh viên vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để tham gia vào các hoạt động thực tiễn, thực hành các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Từ đó giúp sinh viên nâng cao được kỹ năng quan sát, tổng hợp, đánh giá thông tin, vận dụng các kiến thức đã học vào sự vận hành hoạt động kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp cụ thể và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên cần hoàn thành báo cáo thực tập mô tả và phân tích ưu nhược điểm của các quy trình, nghiệp vụ, hoạt động của đơn vị mà được sinh viên thực hành, đồng thời đúc kết kinh nghiệm về kỹ năng và kiến thức để thực hiện thành thạo các nghiệp vụ và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO10(M)



**13.42b2 Ngân hàng điện tử và Mô phỏng đầu tư tài chính****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1, 2,
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần Ngân hàng điện tử:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm tại các ngân hàng như tiền gửi; chuyển tiền trong nước; cho vay và các nghiệp vụ khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Ngân hàng điện tử giới thiệu nội dung và quy trình hướng dẫn thực hành trên phần mềm mô phỏng ngân hàng Core – Banking đối với các nghiệp vụ cơ bản của NHTM là Tiền gửi; Chuyển tiền trong nước; Cho vay và các nghiệp vụ khác. Học phần này rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, từ đó giúp người học có khả năng làm việc tại ngân hàng ngay sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần Mô phỏng đầu tư tài chính:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được quy trình khi thực hiện các nghiệp vụ đầu tư tài chính. Ứng dụng các phương pháp phân tích và đánh giá chứng khoán để xây dựng và quản lý danh mục đầu tư. Thực hiện mua và bán các loại giấy tờ có giá trên phần mềm chứng khoán ảo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Mô phỏng đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên cách thức và quy trình thực hiện các nghiệp vụ mua và bán các loại giấy tờ có giá trong ngắn hạn và dài hạn. Giúp sinh viên có các kỹ năng cần thiết trong đầu tư tài chính, có thể tiếp cận được với công việc tại các tổ chức đầu tư tài chính hiện nay.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO (A); PLO8(A); PLO10(M)

***Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu*****13.42a Khóa luận tốt nghiệp****Tín chỉ: 6**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Để thực hiện khoá luận tốt nghiệp, sinh viên phải trải qua một quá trình: lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu, thẩm định và thông qua người hướng dẫn khoá luận, thu thập tài liệu và số liệu, xử lý và viết khoá luận hoàn chỉnh để tổ chức đánh giá.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO10(M)



**13.42b1 Thực tập cuối khóa****Tín chỉ: 3**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường
- ❖ Học phần học trước: Xong tất cả các học phần chuyên ngành
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Thực tập cuối khoá nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở trường, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế. Thực tập cuối khoá còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại cơ quan thực tập để có được tác phong làm việc, cũng như ý thức trách nhiệm trong công việc, rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực tập cuối khoá gồm các nội dung chính: Khái quát chung về cơ quan thực tập; Tình hình hoạt động chung của cơ quan thực tập; Nhật ký thực tập; Tìm hiểu về một công tác nghiệp vụ cụ thể tại đơn vị chức năng thuộc cơ quan thực tập; Tự đánh giá của sinh viên.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(A); PLO8(A); PLO10(M)

**13.42b2 Thực hành khai báo hải quan****Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên có thể trình bày được các kiến thức cơ bản về kê khai Hải quan như: Đăng ký Tờ khai hải quan, kê khai hải quan, nộp hồ sơ khai hải quan; quy trình lập hồ sơ khai hải quan trên phần mềm; nộp hồ sơ khai hải quan điện tử; nộp thuế điện tử. Qua đó, người học đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó sinh viên có kỹ năng lập, đăng ký hải quan, kê khai, nộp thuế hải quan, quyết toán tờ khai hải quan trong các loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu; vận dụng chính sách hải quan vào thực tiễn và sử dụng tốt phần mềm VNACCS; có khả năng tư duy, tính toán và tổng hợp các vấn đề, biết phối hợp nhóm để giải quyết công việc; có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tra cứu, cập nhật chính sách hải quan, cập nhật phần mềm ứng dụng VNACCS để phục vụ học tập và công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Hướng dẫn kê khai thuế đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về thủ tục hải quan, kê khai trong tờ khai hải quan như: Đăng ký tờ khai hải quan đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân; kê khai đầy đủ và đúng các yếu tố liên quan thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu..., khai bổ sung với hồ sơ khai hải quan cụ thể; nộp hồ sơ khai báo hải quan điện tử; nộp tờ khai hải quan thủ công, nộp thuế điện tử.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4 (A), PLO8 (A), PLO10 (M)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022



**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**

*[Signature]*  
PGS.TS. Nguyễn Chí Minh